

MỤC LỤC

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh 3	3
doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả3	
kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Các khái niệm cơ bản.....	4
1.1.2.1. Doanh thu.....	4
1.2.1.2. Chi phí.....	8
1.2.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh	
doanh trong các doanh nghiệp.....	10
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả10	
kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và10	
các khoản giảm trừ doanh thu	10
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:.....	10
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:.....	11
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán.....	14
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	14
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:.....	14
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:.....	14
1.2.2.3 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán	17
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	18
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	20
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:.....	20
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:.....	20
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	22
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính & chi phí tài chính.	23

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	23
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	23
1.2.4.3: Phương pháp hạch toán:.....	24
1.2.5.Kế toán thu nhập khác& Chi phí khác.	26
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:.....	26
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:.....	26
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán:	26
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	28
1.2.6.1: Chứng từ sử dụng.....	28
1.2.6.2: Tài khoản sử dụng:.....	28
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	31
1.3.1: Hình thức nhật ký chung.....	32
1.3.2: Hình thức Nhật ký sổ cái.....	34
1.3.3: Hình thức nhật ký chứng từ	35
1.3.4: Hình thức chứng từ ghi sổ.....	36
1.3.5: Hình thức kế toán máy	37
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG	38
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Ô Tô Khách Hải Phòng	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Ô Tô Khách Hải Phòng.....	38
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	40
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty:	40
2.1.4.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:	42
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty:	42
2.1.3.2. Chính sách kế toán tại Công ty.	43
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Ô Tô Khách Hải Phòng.....	46
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác:	46
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	46

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:	55
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:	69
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	69
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính	75
2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	81
2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	89
2.2.2.5. Kế toán chi phí khác:.....	100
2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	106
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN	
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG	
119	
3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng:.....	119
3.1.1. Ưu điểm.....	119
3.1.2. Hạn chế.....	120
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng ..	121
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	121
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	122
3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng	122
3.2.3.1. Giải pháp 1: Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng.....	122
3.2.3.2. Giải pháp 2: Giải pháp hoàn thiện sổ sách kế toán sử dụng	123
3.2.3.3. Giải pháp 3: Về việc áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán	126
KẾT LUẬN	130

LỜI MỞ ĐẦU

Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một điều tất yếu. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì thế, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu chất lượng phản ánh đích thực tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp đã cố gắng tìm ra hướng kinh doanh để đem lại doanh thu cho doanh nghiệp thì việc sử dụng những chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải hợp lý và tiết kiệm để phản ánh đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh là chỉ tiêu tổng hợp để phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, nó liên quan chặt chẽ đến chi phí bỏ ra và lợi nhuận đem lại. Như vậy việc xác định doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh đúng đắn sẽ giúp cho nhà lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh để từ đó đưa ra những biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao lợi nhuận.

Xuất phát từ lý luận đồng thời kết hợp với thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng, được sự giúp đỡ của cô giáo, Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương và cán bộ nhân viên trong phòng tài chính kế toán của công ty đã giúp em nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Do đó em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng”*** làm khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung khóa luận gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng

CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng

Vì thời gian thực tập, kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Duy Tiến

CHƯƠNG 1:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh trong doanh nghiệp****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết
quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần... ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** : là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

*** Các phương thức bán hàng:**

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:
+ Trường hợp giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức gọi là tiêu thụ.

+ Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm đã quy định trước trong trường hợp: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức gửi hàng cho khách : Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng: Đối với đơn vị ký gửi hàng hóa(chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng theo tỷ lệ

phần trăm trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm, hàng hóa nhận bán, ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

- Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường

❖ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ** : là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới...

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu** : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- **Chiết khấu thương mại** : Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua,

bán hàng. Giảm giá hàng bán: Là giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- **Hàng bán bị trả lại:** Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế: như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần).

- **Các loại thuế phải nộp nhà nước:** Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng, các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ phải chịu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ đó.

+ Thuế TTĐB: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp tiêu thụ những hàng hoá đặc biệt thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế TTĐB.

+ Thuế XK: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

+ Thuế GTGT.

❖ **Doanh thu thuần :** Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền lãi bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

Theo chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” , doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Theo chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” , doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở :

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ ***Thu nhập khác***: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

+ Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí của kỳ trước là khoản nợ phải thu khó đòi, xác định là không thu hồi được, đã được xử lý xóa sổ và tính vào chi phí để xác định kết quả trong các kỳ trước nay thu hồi được.

+ Khoản nợ phải trả nay mất chủ là khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ hoặc chủ nợ không còn tồn tại.

1.2.1.2. Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí: là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí sản xuất, kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

- **Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

- **Chi phí khác:** Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN

1.2.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Lợi nhuận	Lợi nhuận từ	Lợi nhuận từ hoạt	Lợi nhuận từ
trước thuế	hoạt động kinh	động tài chính	hoạt + động khác
của DN	doanh		

Trong đó :

Lợi nhuận gộp về		Giá vốn hàng bán, chi
bán hàng và cung	Doanh thu thuần -	phí bán hàng, chi phí
cấp dịch vụ		quản lý doanh nghiệp

Lợi nhuận về hoạt	=	Doanh thu hoạt	-	Chi phí hoạt động
động tài chính		động tài chính		tài chính

Lợi nhuận	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
-----------	---	---------------	---	--------------

Từ hoạt động khác

Lợi nhuận sau	=	Lợi nhuận trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
thuế TNDN		TNDN		

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT 3/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT/001) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Phiếu xuất kho và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

❖ **TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.”**

Tài khoản này gồm 6 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118 : Doanh thu khác

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (521,531,532).
- Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

❖ **TK 512- : “Doanh thu bán hàng nội bộ ”**

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa nội bộ
- TK 5122 – Doanh thu bán thành phẩm nội bộ
- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ.

Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ

nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Bên Có: Tổng doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

❖ TK 521 “Chiết khấu thương mại.”

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
- TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
- TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

❖ TK 531 “Hàng bán bị trả lại ”

Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (Tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi

phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng".

Bên Nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có: Kết chuyển doanh thu của hàng hóa bị trả lại vào bên nợ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

❖ **TK 532 “Giảm giá hàng bán”**

Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên Nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc TK 512 "Doanh thu nội bộ". Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”**

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất, nhập khẩu”

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Số dư bên Có:

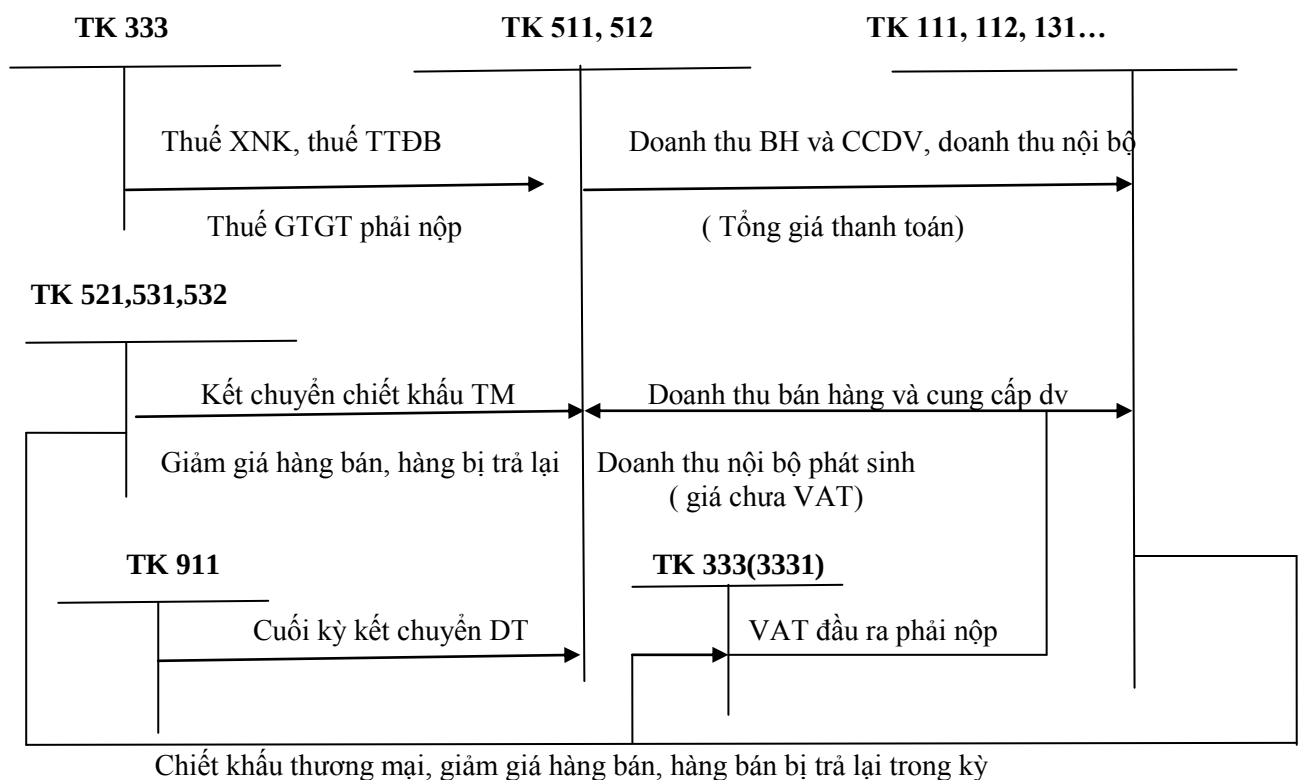
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoát thu nhưng chưa thực hiện việc thoát thu.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ,doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ 1.1.

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên sử dụng tài khoản : **632 “ Giá vốn hàng bán”**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê

định kỳ sử dụng tài khoản : **631 “ Giá thành sản xuất”**

632 “ Giá vốn hàng bán”

❖ Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên Nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- + Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:

- + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;
- + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;
- + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;
- + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;
- + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

* Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

* Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ **Tài khoản 631 “Giá thành sản xuất”**

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn, . . . trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Bên Nợ:

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ;
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”;
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

Các tài khoản trên đều không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Muốn xác định đúng kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng dẫn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

Theo chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho”, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- **Phương pháp tính theo giá đích danh** : được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.
- **Theo phương pháp bình quân gia quyền** : giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị

trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước:** áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ.

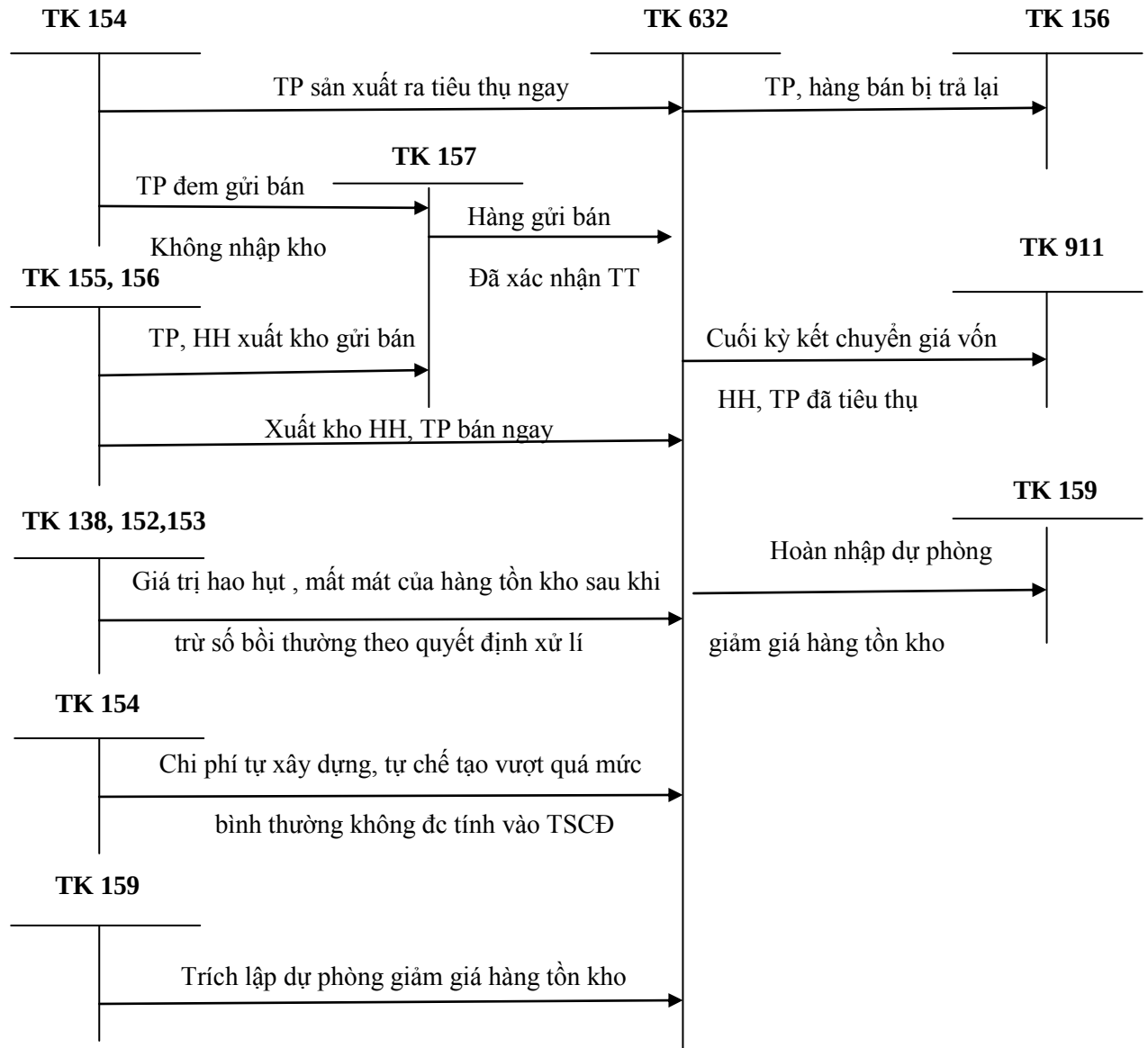
Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước :** áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

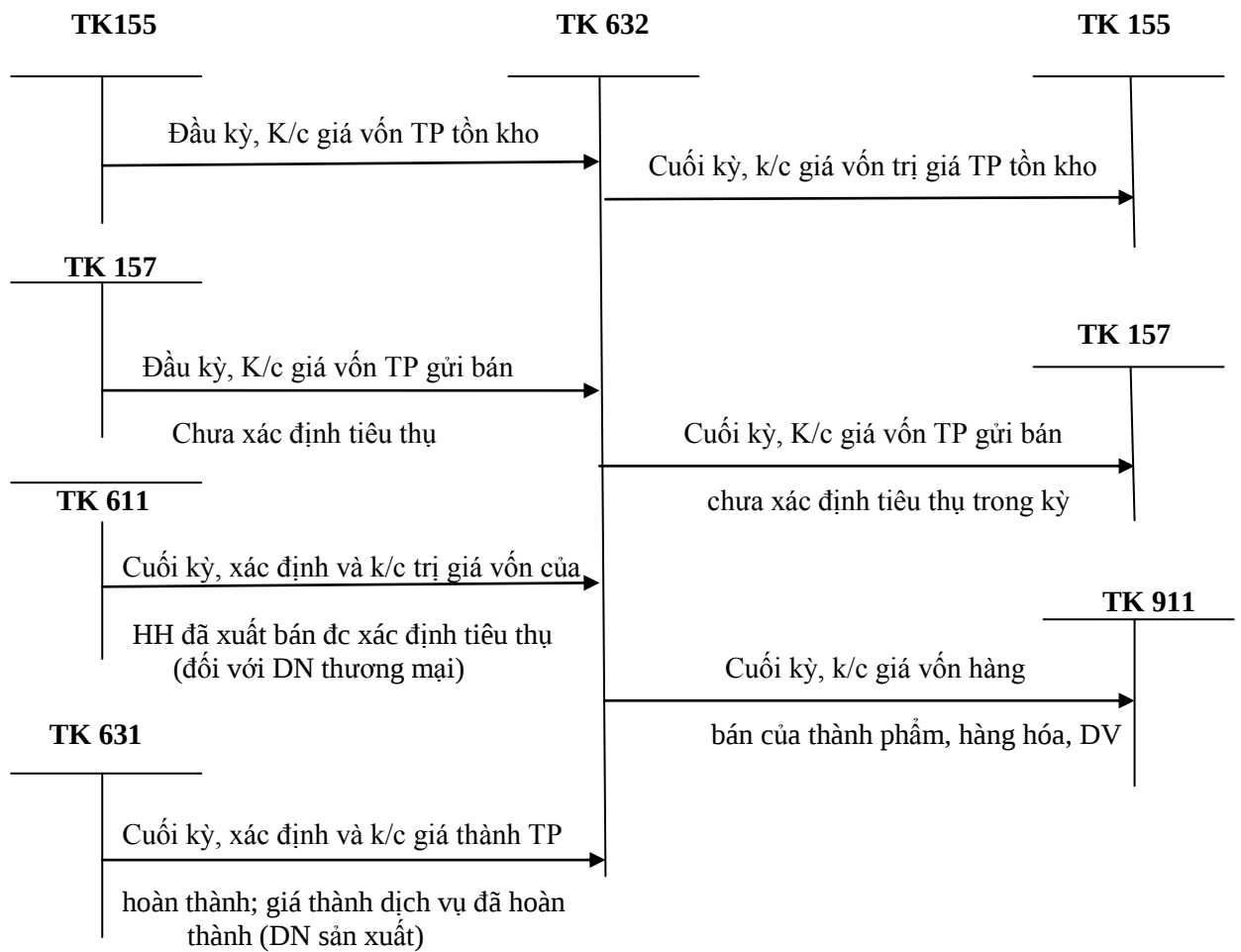
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.2.

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.3.



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

❖ **TK 641 – “Chi phí bán hàng “** có 7 tài khoản cấp 2

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

- Tk 6414: Chi phí KHTSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên Có: Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911.

❖ **TK 642 –“ Chi phí Quản lý doanh nghiệp”** có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí KHTSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu : Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

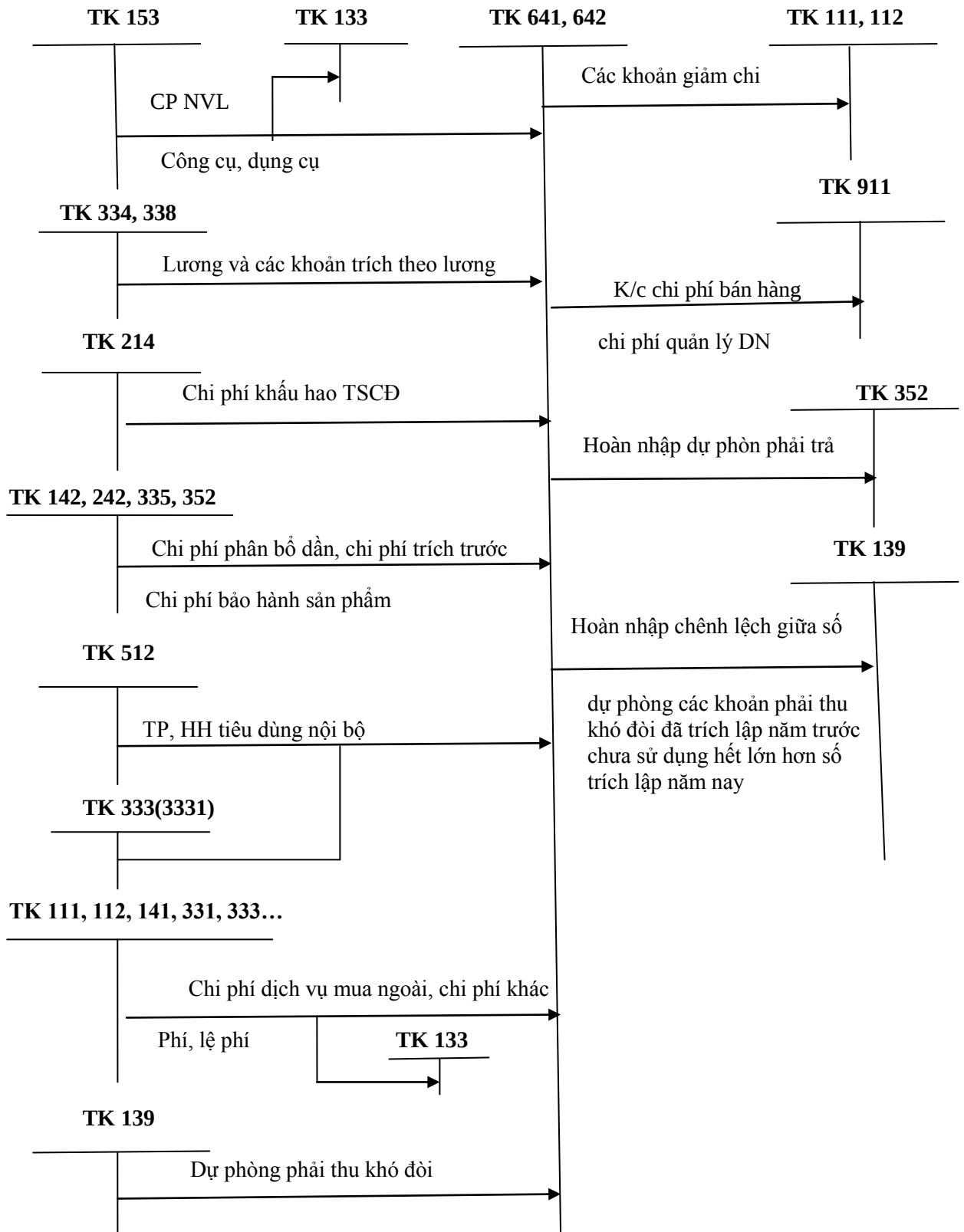
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN.



1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính & chi phí tài chính.**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Các hợp đồng vay.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng*** TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia..
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

*** TK 635 : “ Chi phí tài chính”**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Bên Nợ :

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

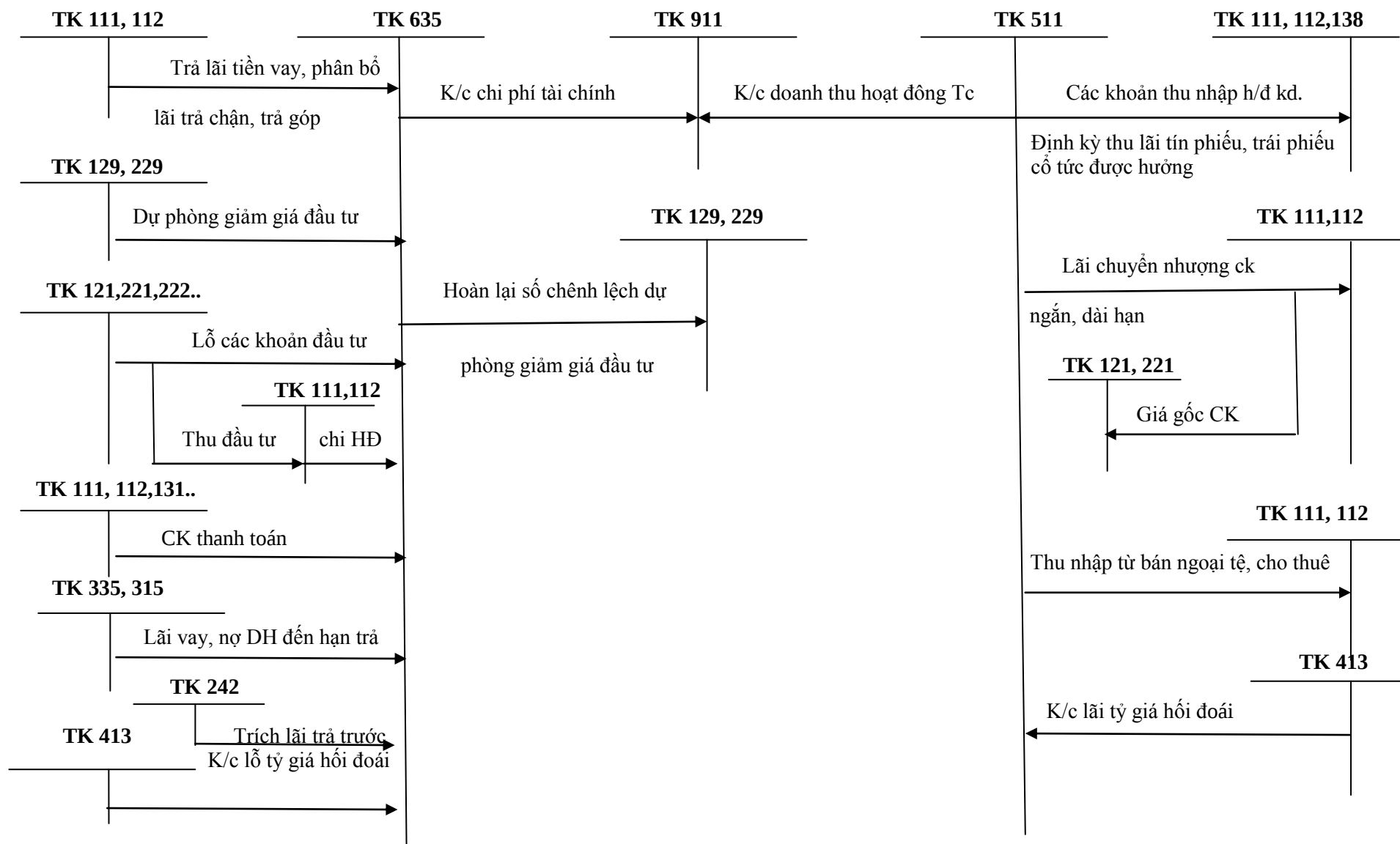
Bên Có :

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.4.3: Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5.

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.



1.2.5. Kế toán thu nhập khác & Chi phí khác.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm chi, GBC của Ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

*** TK 711 – “Thu nhập khác”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có: Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

*** TK 811 – “Chi phí khác”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

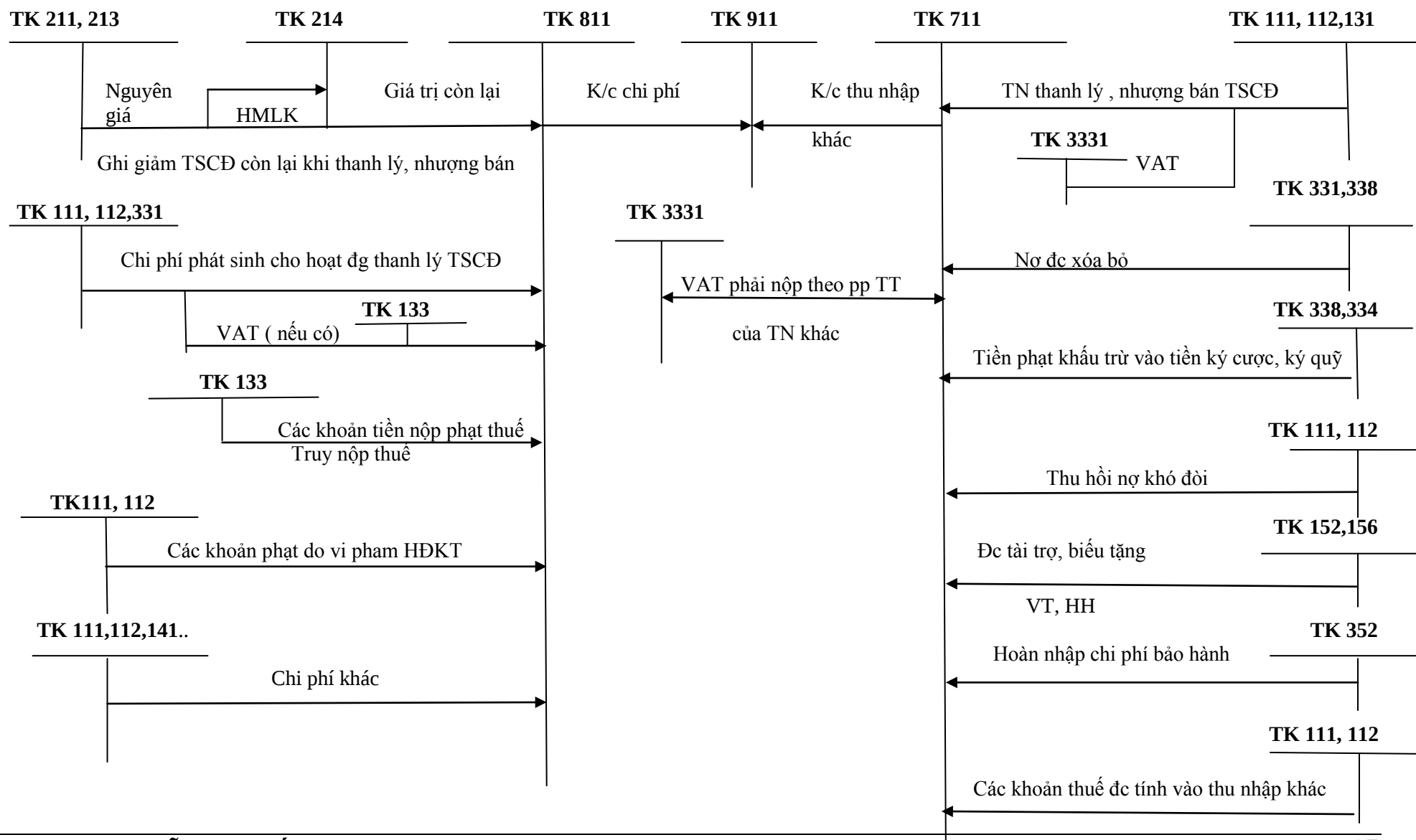
Bên Nợ : Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên Có : Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán thu nhập từ hoạt động khác và chi phí từ hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán(Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu t..) chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.6.1: Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán.

1.2.6.2: Tài khoản sử dụng:

**** TK 911 : “ Xác định kết quả kinh doanh ”***

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

**** TK 821 : “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ”***

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911
- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp ước giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả đọc hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản đọc ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

****Tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”***

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của DN.

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

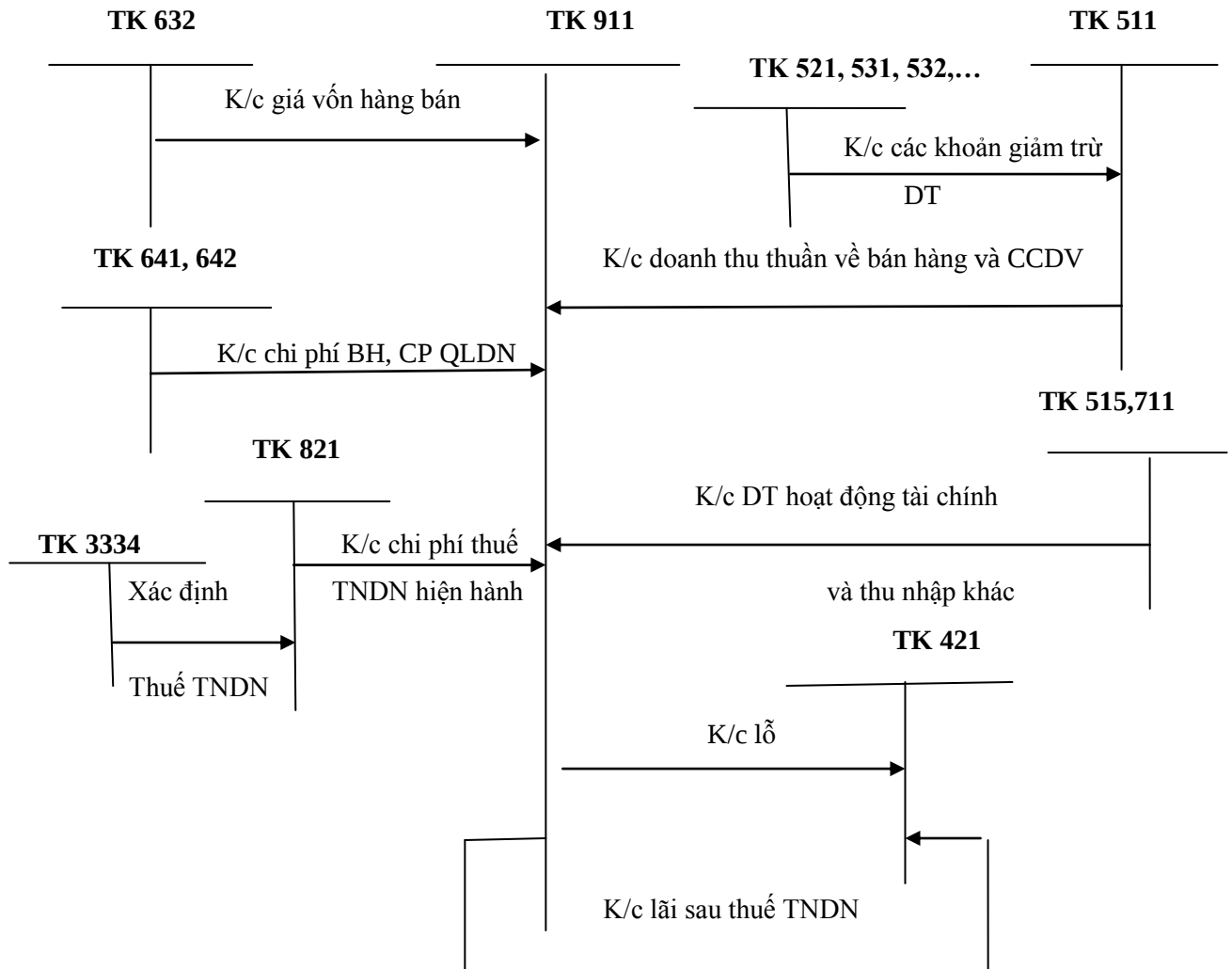
Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện qua

Sơ đồ 1.7: Kế toán Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng. Hệ thống sổ sách kế toán thường được dùng bao gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký chứng từ, sổ cái

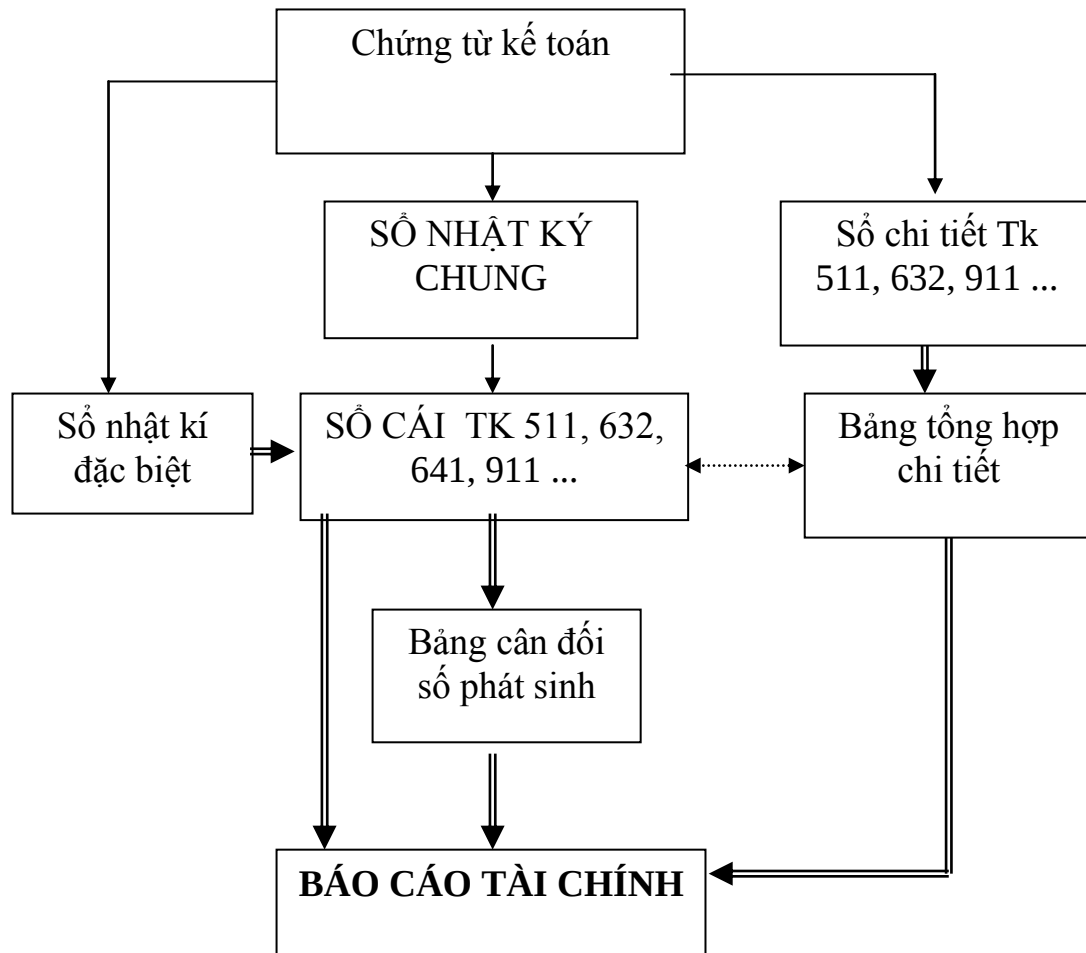
- Sổ kế toán chi tiết gồm có: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán. Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết các tài khoản khác,

Các hình thức sổ kế toán bao gồm:

- Nhật ký chung
- Nhật ký chứng từ
- Chứng từ ghi sổ
- Nhật ký sổ cái
- Kế toán máy

1.3.1: Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung là tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái.



Ghi chú:

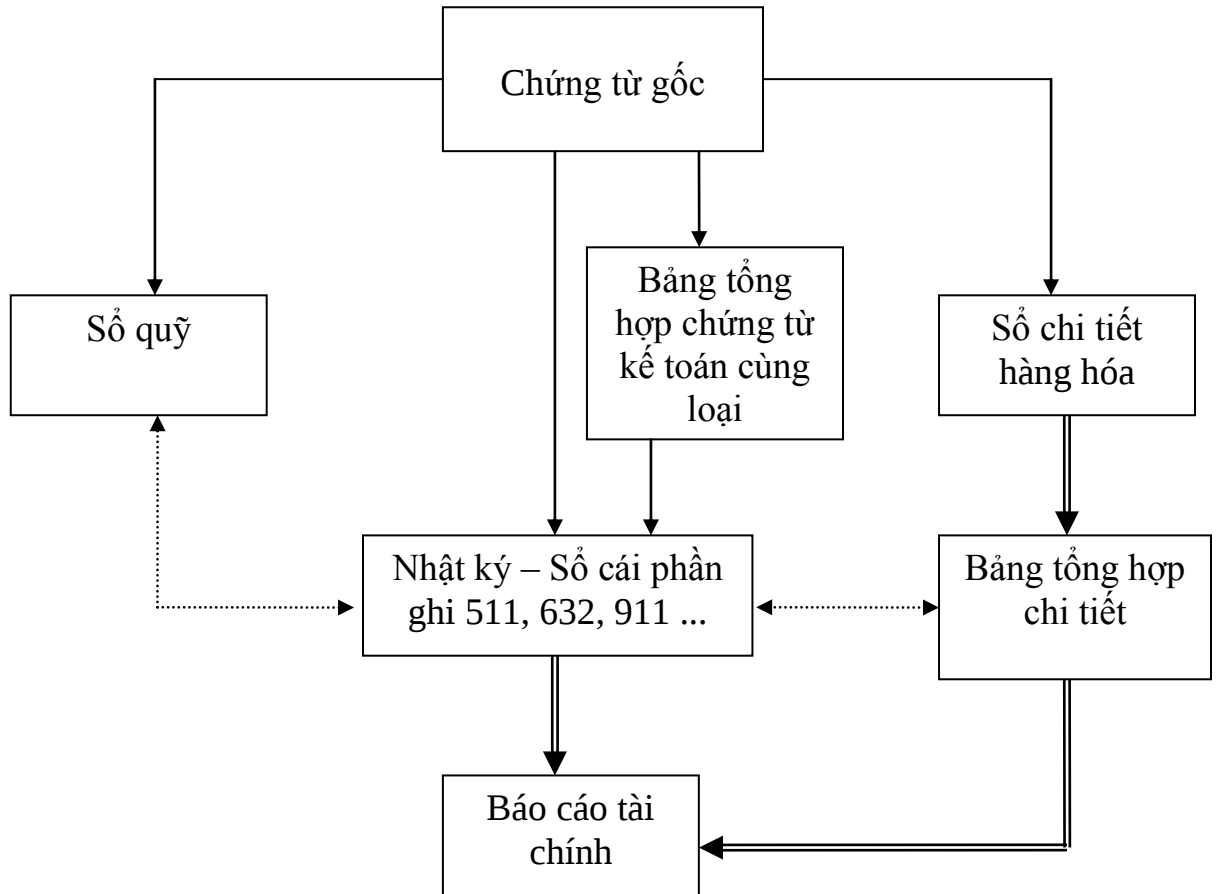
Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Ghi hàng tháng: $\Longrightarrow$

Kiểm tra, đối chiếu: $\longleftrightarrow$

Hàng ngày tập hợp các phiếu thu, phiếu chi, các hóa đơn mua hàng, để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 156 đồng thời cũng phải ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan. Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết (Được lập từ sổ, thẻ kế toán chi tiết) dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.2: Hình thức Nhật ký sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

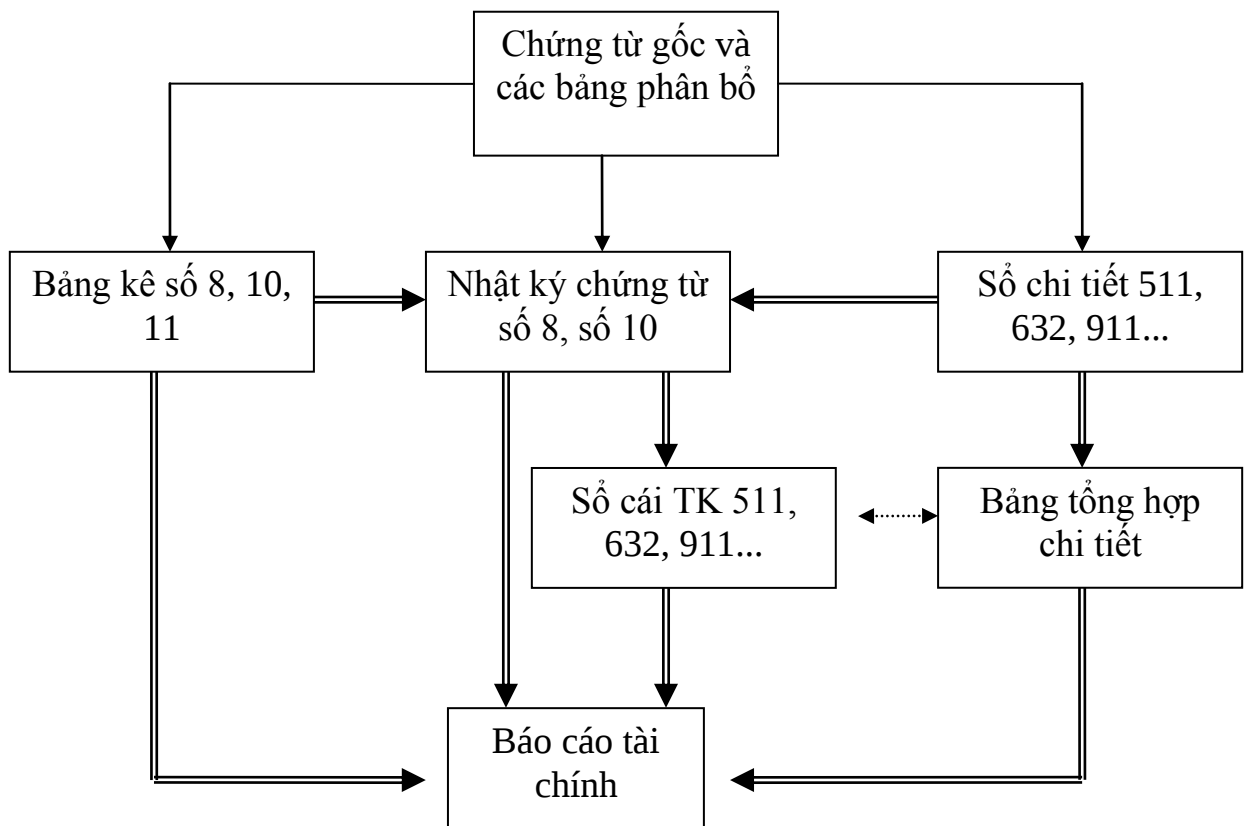
Ghi cuối kỳ: =====>

Kiểm tra, đối chiếu: <----->

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu nhập, phiếu xuất, hóa đơn GTGT hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ để ghi sổ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có của tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số phát sinh đầu quý và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối quý của tài khoản trên trên Nhật ký – Sổ cái.

1.3.3: Hình thức nhật ký chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

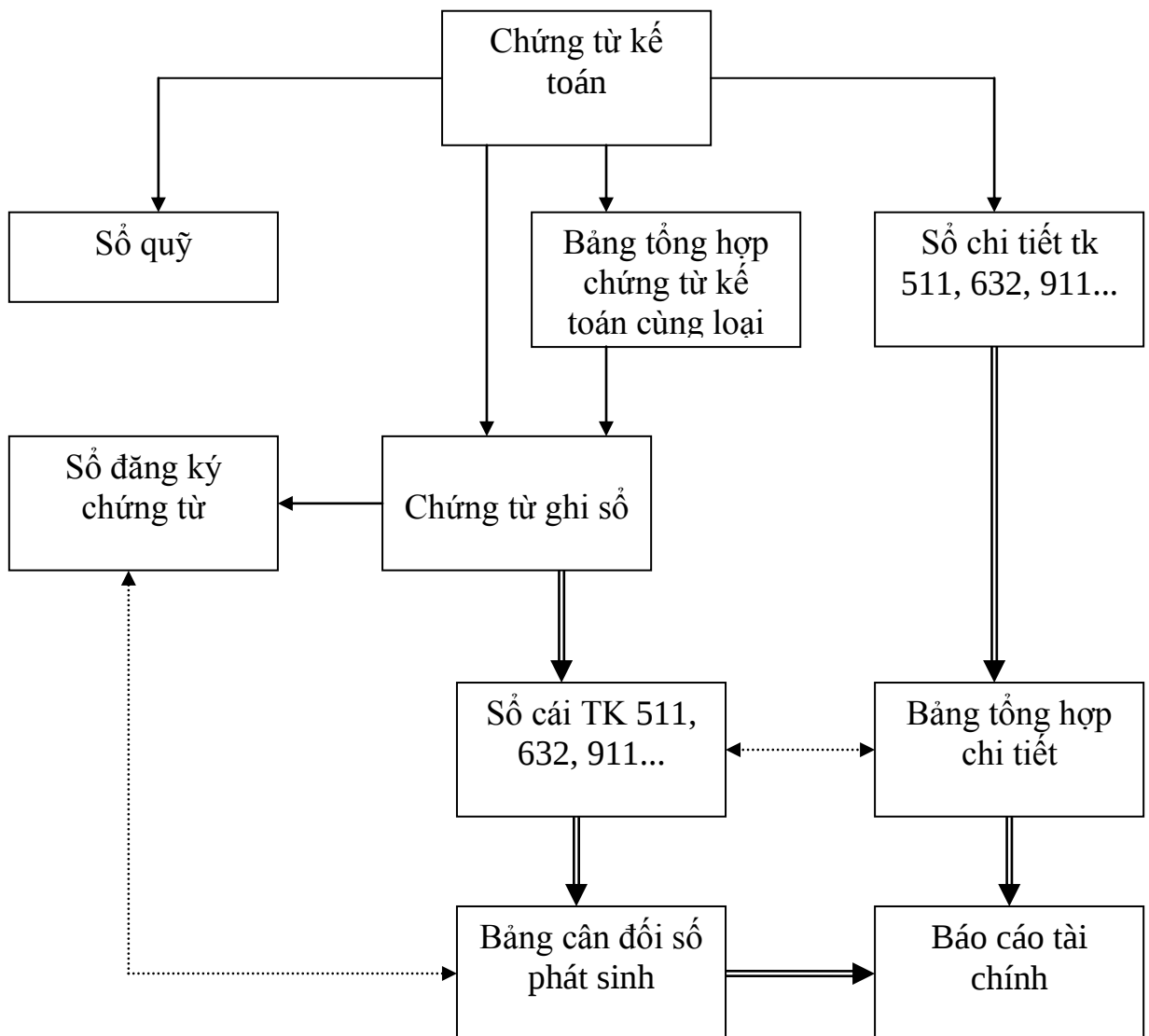
Ghi cuối kỳ: =====>

Kiểm tra, đối chiếu: <-.-.-.-.->

Hàng ngày căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất... đã được kiểm tra đi ghi vào nhật ký chứng từ số 8 hoặc bảng kê số 8, sổ chi tiết hàng hóa.

Cuối tháng khóa sổ cộng số liệu trên nhật ký chứng từ kiểm tra đối chiếu số liệu trên với bảng tổng hợp chi tiết nhập – xuất – tồn và lấy số liệu trên nhật ký chứng từ ghi vào sổ cái TK 156.

1.3.4: Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————→

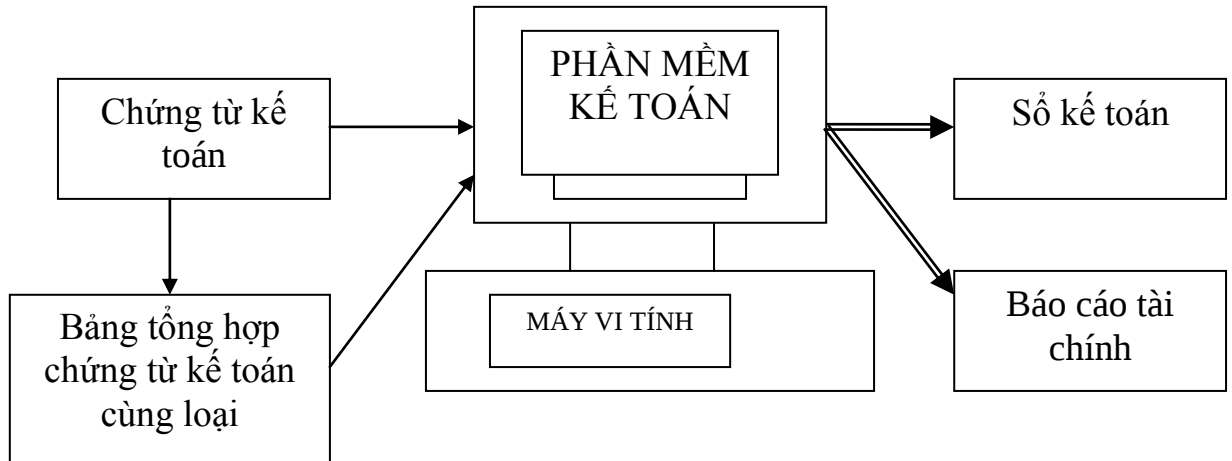
Ghi cuối kỳ: =====>

Kiểm tra, đối chiếu: <----->

Hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ. Kế toán lập chứng từ ghi sổ, căn cứ vào đó để vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào chi tiết hàng hóa.

Cuối tháng, khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, số dư trên sổ cái rồi căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát.

1.3.5: Hình thức kế toán máy



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =====>

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Ô Tô Khách Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Ô Tô Khách Hải Phòng

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG
- Trụ sở giao dịch : 279 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – Hải Phòng
- Đơn vị chủ quản : Sở giao thông Công chính Hải Phòng
- Tài khoản số : 102010000207803 tại Ngân hàng Công thương
Lê Chân – Hải Phòng
- Nhiệm vụ của đơn vị :
 - + Công ty tổ chức vận chuyển hành khách trên 20 tuyến cố định liên tỉnh và nội tỉnh.
 - + Tổ chức vận chuyển hành khách công cộng bằng xe Buýt trên các tuyến nội thị Thành phố Hải Phòng.
 - + Hợp đồng du lịch lữ hành nội địa với tất cả các tổ chức và cá nhân khác.
 - + Kinh doanh xăng, dầu, gas, vật tư phụ tùng ô tô và phương tiện vận tải.
 - + Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt điện lạnh ô tô các loại.

Công ty Cổ Phần ô tô khách Hải Phòng làm thí điểm cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước từ 01/04/1990, khi mới thành lập có tên là: Xí nghiệp hợp doanh. Cơ sở vật chất phục vụ cho kinh doanh hầu như không có, vốn lưu động thiếu, mặt bằng của Xí nghiệp là 3.382 m², số lao động tham gia và là cổ đông: 85 người.

Cuối năm 1990, Quốc Hội thông qua Luật Công ty, Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 391 – QĐ/UB “Về việc tách Xí nghiệp hợp doanh ra khỏi Công ty xe khách Hải Phòng để làm thí điểm Công

ty cổ phần cho Thành phố”. Ngày 01/04/1991 Công ty chính thức được thành lập và lấy tên là:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

Từ đó đến nay, qua các năm sản xuất kinh doanh mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng đã vượt qua và kinh doanh ngày càng ổn định, phát triển. Luôn hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, kế hoạch hàng năm đều cao hơn trước từ 5% đến 10%, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

Qua hơn 10 năm hoạt động vừa phải đảm bảo sản xuất kinh doanh để tồn tại Công ty vừa phải mò mẫm làm thì điểm loại hình Doanh nghiệp mới cho Nhà nước, Công ty cổ phần ô tô khách Hải phòng đã tự khẳng định được mình là Doanh nghiệp có mô hình quản lý hoàn toàn mới của nước ta, được hình thành lên và phát triển cùng với sự bung ra của thị trường. Từ đó Nhà nước đã không ngừng hoàn thiện các cơ chế, chính sách, biện pháp, nội dung và chỉ đạo Doanh nghiệp Nhà nước khác tiến hành cổ phần hóa, nhằm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, nhanh chóng hòa nhập nền kinh tế khu vực và Quốc tế. Giảm gánh nặng cho Nhà nước trong việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh nhất là khâu đầu tư vốn. Công ty cũng đang rất cần sự quan tâm, chỉ đạo cụ thể hơn nữa của các cấp có thẩm quyền, để giúp Công ty sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển và tiến tới có đủ điều kiện để tham gia vào thị trường chứng khoán, một thị trường hoàn toàn mới mẻ ở Việt Nam.

+ Tổng số vốn Điều lệ của Công ty đến nay : 4.939.976.000 đồng

Trong đó: - Vốn cổ phần phổ thông là : 1.482.629.000 đồng

- Vốn Nhà nước : 722.363.000 đồng

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại: 2.734.984.000 đồng

+ Tổng số cán bộ công nhân viên hiện nay : 175 người

- Trong đó: + Đại học : 11 người

+ Trung cấp : 6 người

+ Công nhân bậc cao : 62 người

+ Lao động phổ thông : 96 người

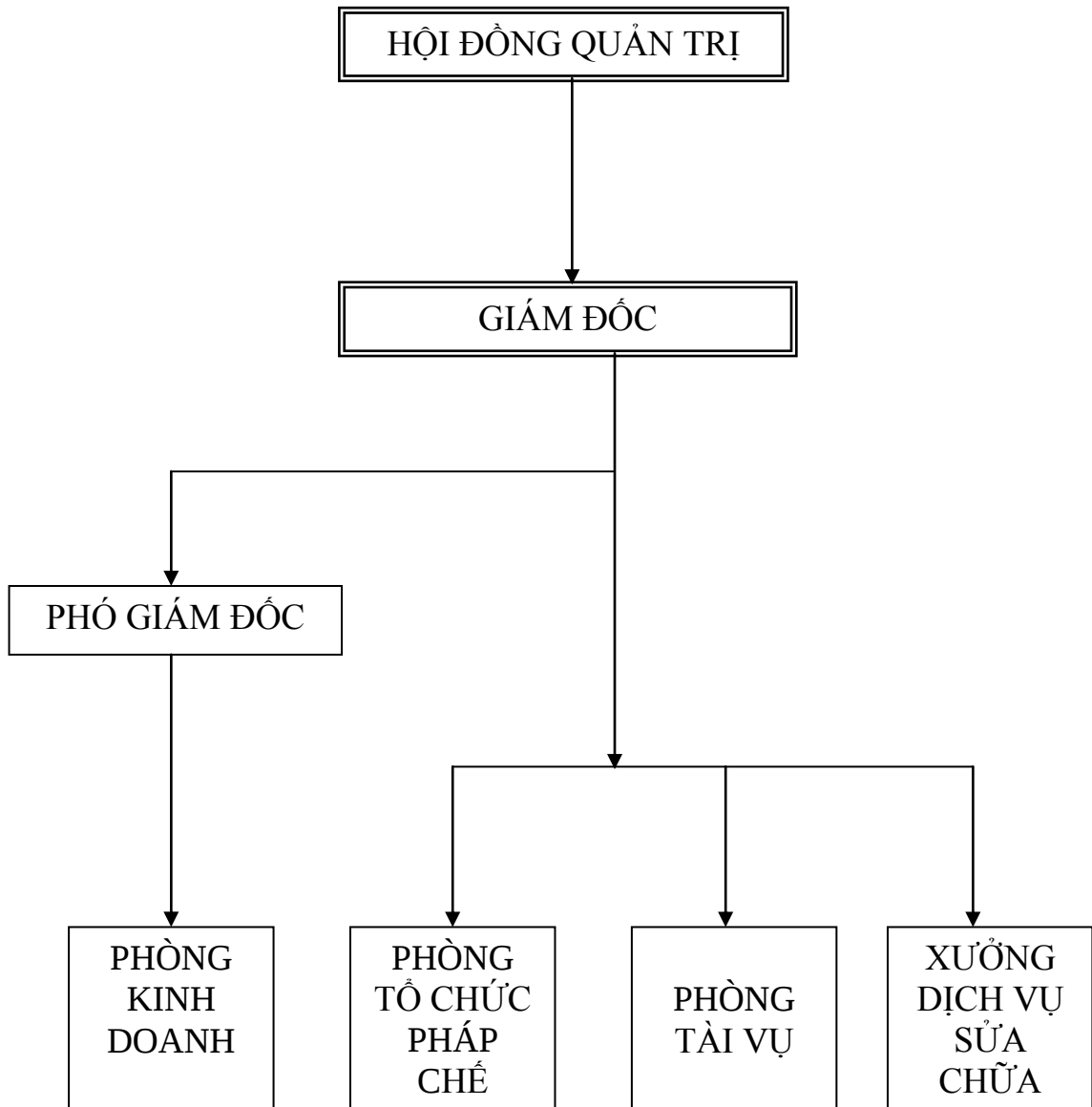
- + Tổng số phương tiện (xe chở khách): 60 chiếc
- Bao gồm các loại xe từ 24 đến 50 ghế ngồi, đảm bảo đủ điều kiện phục vụ hành khách theo Nghị định 92/CP của Chính phủ (xe chất lượng cao, có máy điều hòa nhiệt độ...)
- Với nhiều chủng loại xe nhập ngoại, đóng mới trong nước như: Xe Hyundai, Asia Cosmos, Hino, FB 500, Nadibus...

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

- + Công ty tổ chức vận chuyển hành khách trên 20 tuyến cố định liên tỉnh và nội tỉnh.
- + Tổ chức vận chuyển hành khách công cộng bằng xe Buýt trên các tuyến nội thị Thành phố Hải Phòng.
- + Hợp đồng du lịch lữ hành nội địa với tất cả các tổ chức và cá nhân khác.
- + Kinh doanh xăng, dầu, gas, vật tư phụ tùng ô tô và phương tiện vận tải.
- + Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt điện lạnh ô tô các loại.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty:

***Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty
cổ phần ô tô khách Hải Phòng***



* Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

* Giám đốc của Công ty điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm

trước Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

* Phòng kinh doanh nghiên cứu và tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh, chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển, mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong nước.

* Phòng pháp chế có chức năng giúp Công ty quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác pháp chế, thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước. Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực pháp chế.

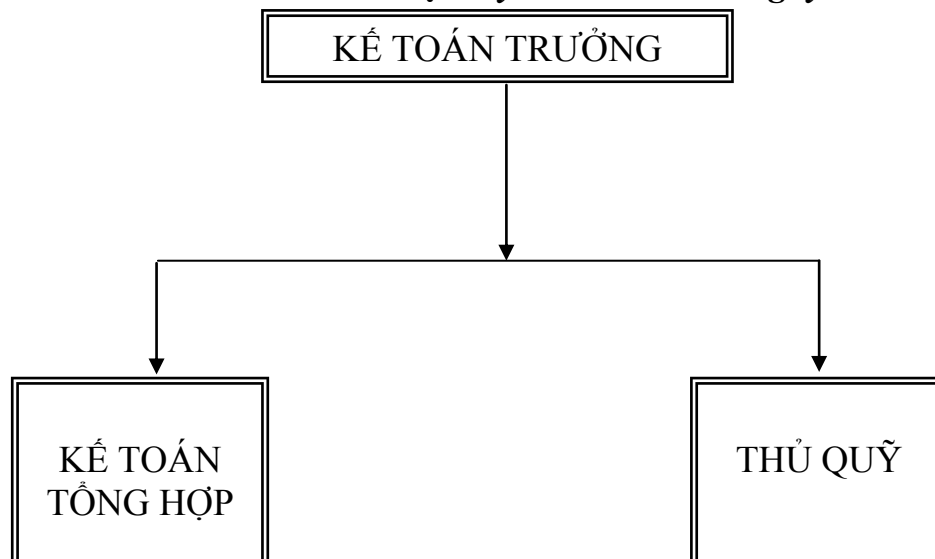
* Phòng tài vụ quản lý và sử dụng có hiệu quả ngân sách được cấp và các nguồn tài chính ngoài ngân sách, thực hiện nghiêm túc chế độ quản lý, tổ chức hạch toán kế toán tài chính theo chế độ kế toán của Nhà nước ban hành. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, dự toán ngân sách kinh phí hạn mức hàng năm để trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện tốt nề nếp hành chính, xây dựng và lưu trữ sổ sách, chứng từ, chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

* Xưởng dịch vụ sửa chữa : Dịch vụ sửa chữa, đại tu và bảo dưỡng, lắp đặt điện lạnh ô tô các loại.

2.1.4.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty



* Kế toán tổng hợp có nhiệm vụ tính doanh thu, các khoản khấu trừ cho lái xe qua doanh thu như: Tiền lương, nguyên vật liệu, sắm lốp, hoàn trả vốn, khấu hao ..., theo dõi các khoản chi tiết công nợ và lập báo cáo giá thành

* Thủ quỹ: Thu tiền của lái phụ xe và theo dõi tình hình thu chi của các loại tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng

* Kế toán trưởng phụ trách chung, chỉ đạo công tác hạch toán theo chế độ quy định

2.1.3.2. Chính sách kế toán tại Công ty.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ: VNĐ

- Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

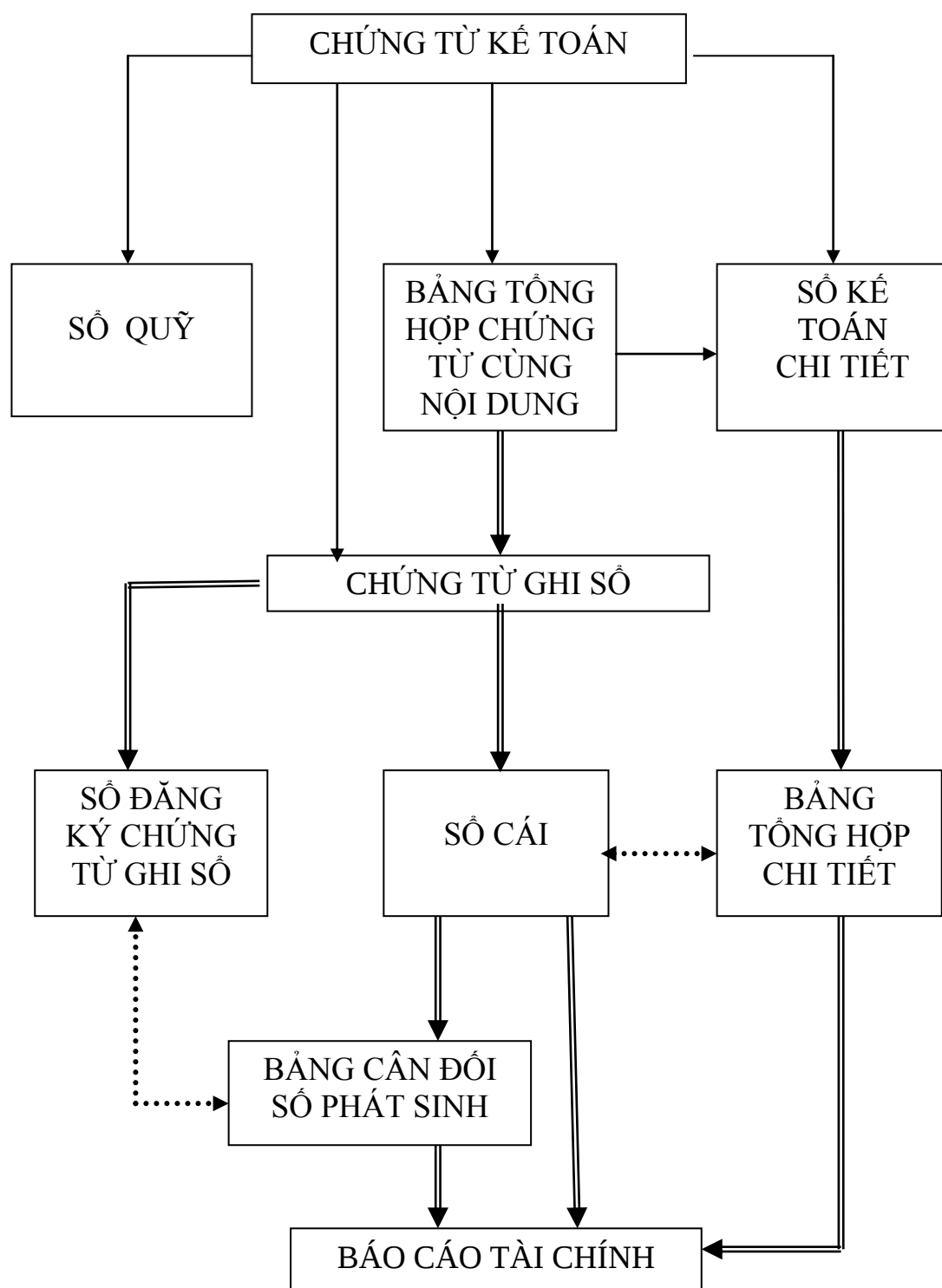
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính khấu hao: phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ .

- Để phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, công ty đã lựa chọn hình thức kế toán sử dụng là hình thức chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kì

◀.....▶ Đối chiếu kiểm tra

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ cùng nội dung đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

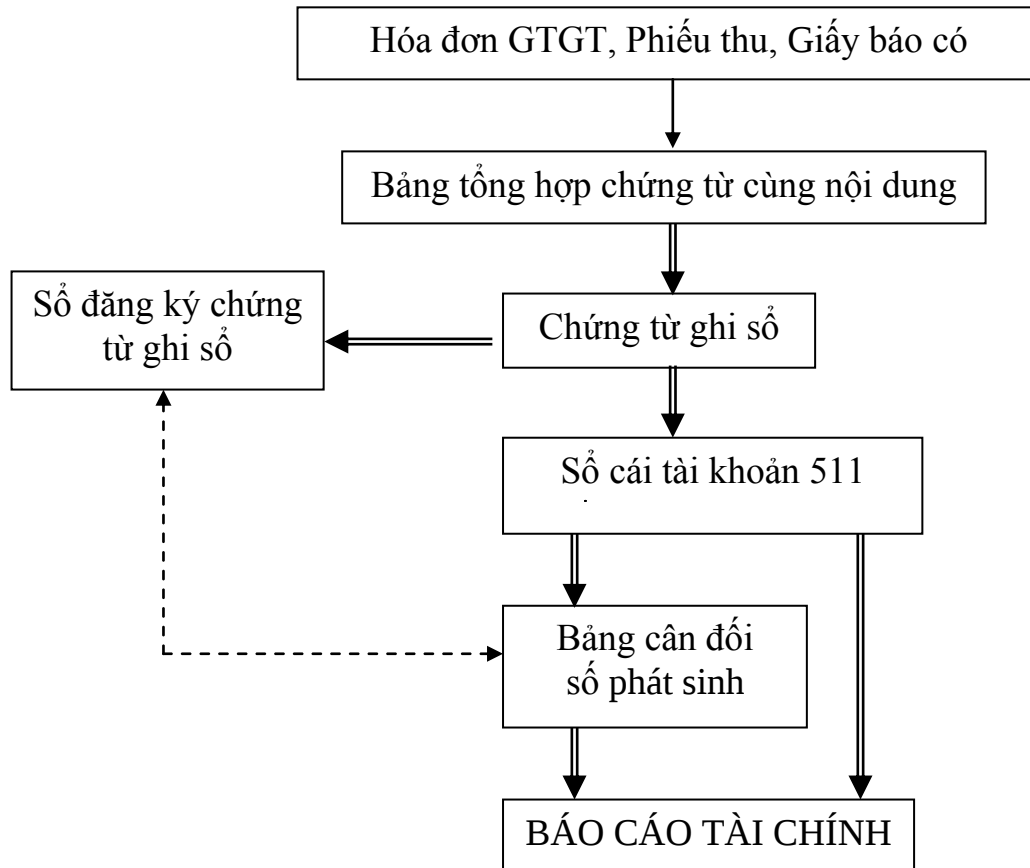
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Ô Tô Khách Hải Phòng

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác:

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- * Phương thức bán hàng:** phương thức trực tiếp
- * Hình thức thanh toán:**
 - Tiền mặt
 - Tiền gửi ngân hàng
- * Chứng từ sử dụng:**
 - Hợp đồng kinh tế
 - Hóa đơn GTGT
 - Giấy báo có, Phiếu thu
 - Các chứng từ khác có liên quan
- * Tài khoản sử dụng:**
 - Tài khoản 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Các tài khoản khác có liên quan
- * Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng
và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần ô tô Khách Hải Phòng**



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kì

←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày kế toán tập hợp các phiếu thu, Giấy báo có, các hóa đơn GTGT để ghi chép vào Bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung. Cuối tháng từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ

Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng, từ số liệu trên chứng từ ghi sổ kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ đồng thời phản ánh trên sổ cái tài khoản 511 và các tài khoản khác có liên quan

Cuối năm, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái TK 511 và các TK khác có liên quan để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Để đảm bảo sự chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Cuối năm, căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh và số cái các tài khoản để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: ngày 31 tháng 07 năm 2012 thu tiền cho thuê xe du lịch của ông Trần Trọng Nghĩa bằng tiền mặt, số tiền là 1.155.000 đồng đã bao gồm cả thuế GTGT 10%

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT để lập phiếu thu, sau đó căn cứ vào phiếu thu để ghi vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Cuối tháng từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 511
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính.

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 31 tháng 07 năm 2012	Mẫu số: 01 GTKT3/0 Kí hiệu: AB/12P Số: 0074350				
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần ô tô khách Hải Phòng Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - Hải Phòng. Số tài khoản: 102010000207803 Điện thoại: 031.3869768 MST:					
Họ tên người mua hàng: Trần Trọng Nghĩa Tên đơn vị: Địa chỉ: Số 123 Lê Lợi Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MST:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
	Thuê xe du lịch			1.050.000	1.050.000
	/				
Cộng tiền hàng:					1.050.000
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	105.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.155.000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn./					
Người bán hàng (Đã ký)		Người mua hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận, giao hoá đơn)					

Mẫu số 01 - TT

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Nợ: 111

Số: 48/07

Có: 511

Có: 3331

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Họ và tên: Trần Trọng Nghĩa

Địa chỉ: Số 123 Lê Lợi

Lí do thu: Tiền thuê xe du lịch

Số tiền: 1.155.000 (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn./

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nộp

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ:.....

+ Số tiền quy đổi:.....

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 01/07

Nội dung: Thu tiền mặt

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111, Ghi Có các TK					Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		112	138	511	333	...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
PT 46/07	31/07	Rút TGNH nhập quỹ	25.800.000					15.800.000
PT 47/07	31/07	Thu được tiền của các khoản nợ phải thu khác		22.750.000				22.750.000
PT 48/07	31/07	Thu tiền thuê xe du lịch			1.050.000	105.000		1.155.000
PT 49/07	31/07	Doanh thu bán vé tuyến HP – Thanh Hóa			387.741.818	38.774.182		426.516.000
PT 50/07	31/07	Rút TGNH nhập quỹ	31.650.000					11.650.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	112.522.000	35.259.000	6.025.366.550	602.536.655	...	8.658.642.279

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 01/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
Rút TGNH nhập quỹ	111	112	112.522.000	
Thu được tiền của các khoản nợ phải thu khác	111	138	35.259.000	
Doanh thu bán hàng tháng 7	111	511	6.025.366.550	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	111	3331	602.536.655	
...			...	
Cộng:	×	×	8.658.642.279	

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02b - DN
*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh:			
...	...	...	...	...	...	...
30/06	01/06	30/06	Doanh thu bán hàng tháng 6	111		7.165.989.670
30/06	03/06	30/06	Doanh thu bán hàng tháng 6	112		2.204.285.662
31/07	01/07	31/07	Doanh thu bán hàng tháng 7	111		6.025.366.550
31/07	03/07	31/07	Doanh thu bán hàng tháng 7	112		2.662.354.122
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 04/12	31/12	Kết chuyển sang TK 911	911	127.718.058.279	
			Cộng phát sinh:		127.718.058.279	127.718.058.279
			Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

*** Tài khoản sử dụng**

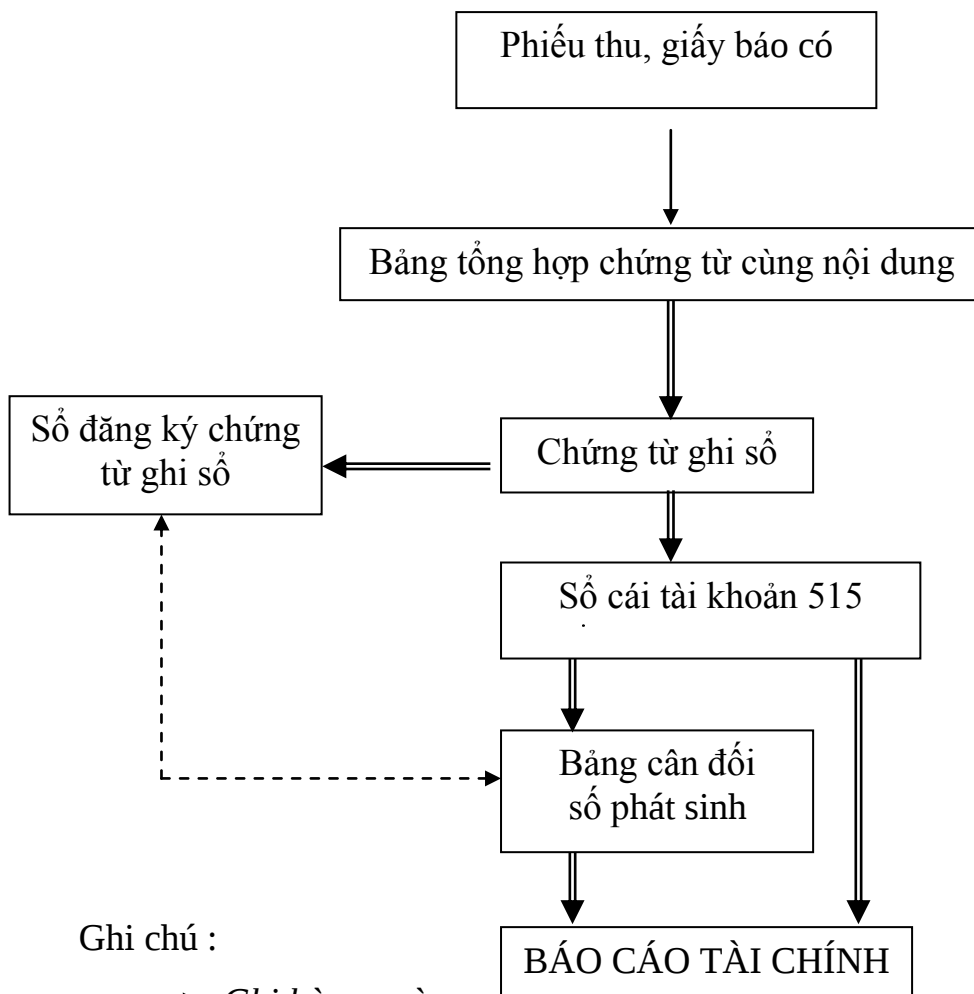
- Tài khoản 515: doanh thu hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần ô tô Khách Hải Phòng



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kì

←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: ngày 31 tháng 07 năm 2012 Công ty thu tiền lãi từ Ngân hàng Công Thương Lê Chân, số tiền 756.326

- Kế toán căn cứ vào Giấy báo Có của Ngân hàng để ghi vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Cuối tháng từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 515
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính.

GIẤY BÁO CÓ			
		Ngày in : 31/07/2012 Giờ in : 10:05:03	
Số tài khoản : 102010000207803 Tên tài khoản : CÔNG TY CP Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo : Tài khoản của quý khách được ghi CÓ với nội dung sau:			
Ngày giờ hiệu lực	Số Tiền	Loại Tiền	Diễn Giải
31/07/2012 10:05:03	756.326	VND	NH phát lệnh: CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN NH giữ tài khoản: CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN Số TK: 102010000207803 Người chuyển: Nguyễn Phú An - CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN Nội dung giao dịch: Lãi nhập gốc

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 03/07

Nội dung: Thu tiền gửi Ngân hàng

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 112, Ghi Có các TK				Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		511	515	711	333	...
...	...	...		...	...	...	...
GBC 23/07	31/07	Lãi nhập gốc		756.326			756.326
GBC 24/07	31/07	Doanh thu bán vé tuyến HP – Móng Cái	66.298.361			6.629.836	72.928.197
GBC 25/07	31/07	Thu tiền thanh lý xe			364.500.000	36.450.000	400.950.000
GBC 26/07	31/07	Thu tiền thuê xe du lịch	3.253.300			325.330	3.578.300
...	...	...		...	...	...	...
		Cộng	2.662.354.122	756.326	364.500.000	302.685.412	3.995.128.627

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
Doanh thu bán hàng tháng 7	112	511	2.662.354.122	
Doanh thu hoạt động tài chính	112	515	756.326	
Thu nhập khác	112	711	364.500.000	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	112	333	302.685.412	
...	...	...	...	
Cộng:	×	×	3.995.128.627	

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02b - DN

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1 - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh:			
...	...	...	...	...	...	...
30/06	03/06	30/06	Lãi nhập gốc tháng 6	112		689.670
31/07	03/07	31/07	Lãi nhập gốc tháng 7	112		756.326
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 05/12	31/12	Kết chuyển sang TK 911	911	7.492.087	
			Cộng phát sinh:		7.492.087	7.492.087
			Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác:

Thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng chủ yếu là thu nhập từ thanh lý và nhượng bán tài sản cố định

*** Chứng từ sử dụng:**

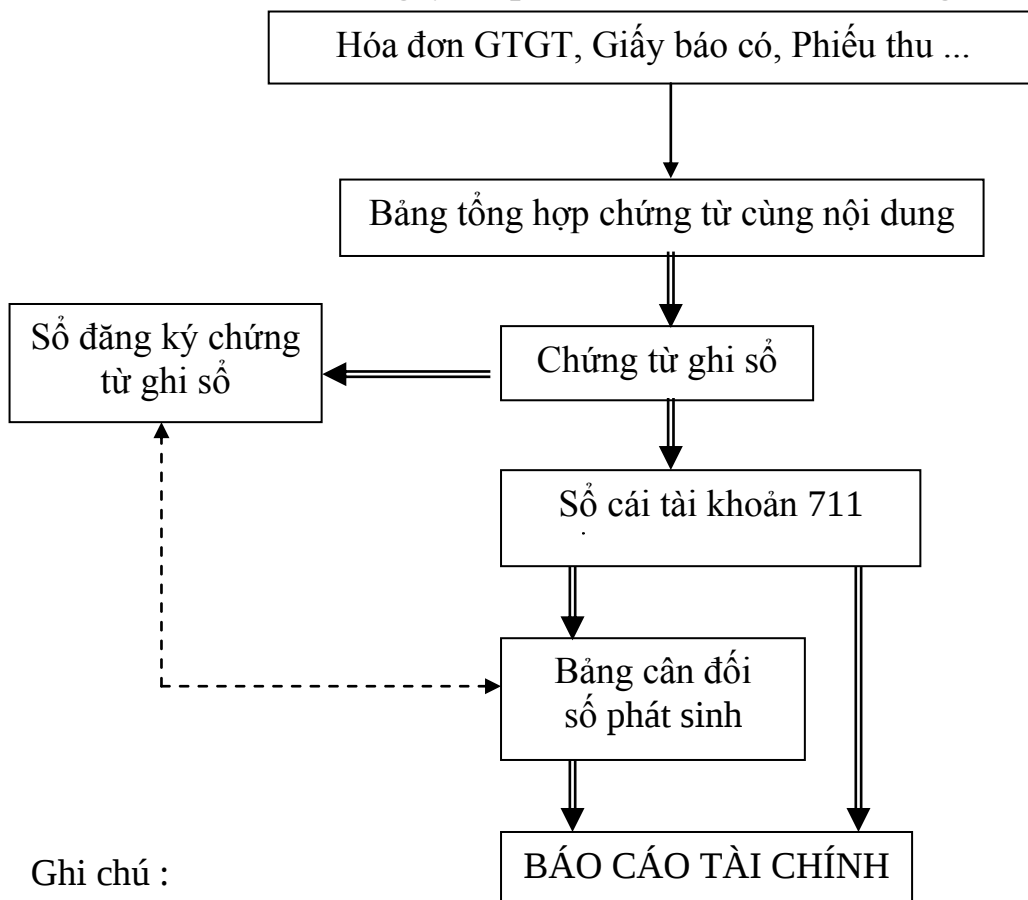
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có, Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 711: Thu nhập khác
- Các tài khoản khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kỳ

-----> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: ngày 31 tháng 07 năm 2012 Công ty thanh lý 1 xe khách 35 chỗ ngồi cho ông Đào Văn Quang với giá bán chưa có VAT 10% là 364.500.000, đã thu bằng chuyển khoản. Biết xe khách này có nguyên giá là 896.665.000, hao mòn lũy kế là 532.165.000.

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT và Giấy báo Có của Ngân hàng để ghi vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Cuối tháng từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 711
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính.

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3 : Nội bộ

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Mẫu số: 01 GTKT3/001

Kí hiệu: AB/12P

Số: 0074352

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần ô tô khách Hải Phòng

Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân - Hải Phòng.

Số tài khoản: 102010000207803

Điện thoại: 031.3869768 MST:

Họ tên người mua hàng: Đào Văn Quang

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Thái Dương – Thái Thụy- Thái Bình.

Số tài khoản: 6201600262531412

Hình thức thanh toán: CK MST:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
	Thu tiền thanh lý xe				364.500.000
Cộng tiền hàng:					364.500.000
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		36.450.000
Tổng cộng tiền thanh toán					400.950.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./					

Người bán hàng
(Đã ký)Người mua hàng
(Đã ký)Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận, giao hoá đơn)

GIẤY BẢO CỐ



Ngày in : 31/07/2012

Giờ in : 14:25:33

Số tài khoản : 102010000207803

Tên tài khoản : CÔNG TY CP Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo : Tài khoản của quý khách được ghi CỐ với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số Tiền	Loại Tiền	Diễn Giải
31/07/2012 14:25:33	400.950.000	VND	NH phát lệnh: CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN NH giữ tài khoản: CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN Số TK: 102010000207803 Người chuyển: Nguyễn Phú An - CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN Nội dung giao dịch: Thu tiền thanh lý xe

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 03/07

Nội dung: Thu tiền gửi Ngân hàng

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 112, Ghi Có các TK				Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		511	515	711	333	
...	...	...		...	...	...	...
GBC 23/07	31/07	Lãi nhập gốc		756.326			756.326
GBC 24/07	31/07	Doanh thu bán vé tuyến HP – Móng Cái	66.298.361			6.629.836	72.928.197
GBC 25/07	31/07	Thu tiền thanh lý xe			364.500.000	36.450.000	400.950.000
GBC 26/07	31/07	Thu tiền thuê xe du lịch	3.253.300			325.330	3.578.300
...	...	...		...	...	...	...
		Cộng	2.662.354.122	756.326	364.500.000	302.685.412	3.995.128.627

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 03/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
Doanh thu bán hàng tháng 7	112	511	2.662.354.122	
Doanh thu hoạt động tài chính	112	515	756.326	
Thu nhập khác	112	711	364.500.000	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	112	333	302.685.412	
...	...	...	...	
Cộng:	×	×	3.995.128.627	

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 711 – Thu nhập khác

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh:			
31/07	03/07	31/07	Thu tiền thanh lý xe	112		364.500.000
31/12	PKT 10/12	31/12	Kết chuyển sang TK 911	911	364.500.000	
			Cộng phát sinh:		364.500.000	364.500.000
			Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng, giá vốn hàng bán được tập hợp từ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ như chi phí xăng dầu phục vụ kinh doanh, lương lái – phụ xe, chi phí vật tư sửa chữa, chi phí khấu hao, phí và lệ phí giao thông

*** Tài khoản sử dụng**

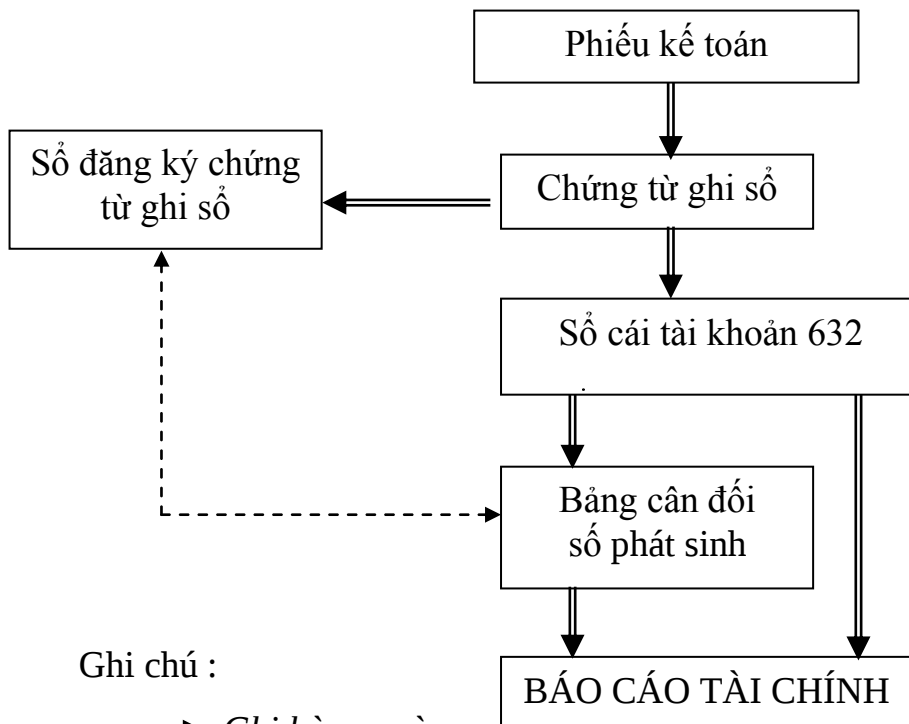
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Các tài khoản khác có liên quan

*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần ô tô Khách Hải Phòng



Ghi chú :

→ Ghi hàng ngày

==> Ghi cuối kỳ

- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: Ngày 31/07/2012 Kế toán kết chuyển chi phí để xác định giá vốn hàng bán trong tháng, số tiền 8.250.709.677

Kế toán sử dụng phiếu kế toán để phản ánh các nghiệp vụ kết chuyển chi phí.

- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào phiếu kế toán để phản ánh vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 632
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính.

Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 01/07

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	632	621	5.605.205.669
	Cộng:			5.605.205.669

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 02/07

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	632	622	886.325.558
	Cộng:			886.325.558

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 03/07

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	632	627	1.759.178.452
	Cộng:			1.759.178.452

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 07/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí NVLTT	632	621	5.605.205.669	
Kết chuyển chi phí NCTT	632	622	886.325.558	
Kết chuyển chi phí SXC	632	627	1.759.178.452	
Cộng:	×	×	8.250.709.679	

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1_DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh trong kỳ:			
...	...	...	...	...	...	...
31/07	07/07	31/07	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621	5.605.205.669	
31/07	07/07	31/07	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	622	886.325.558	
31/07	07/07	31/07	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	627	1.759.178.452	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 06/12	31/12	Kết chuyển sang TK 911 xác định KQKD	911		124.400.940.721
			Tổng phát sinh trong kỳ:		124.400.940.721	124.400.940.721
			Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng chủ yếu là các khoản chi phí lãi vay.

*** Tài khoản sử dụng**

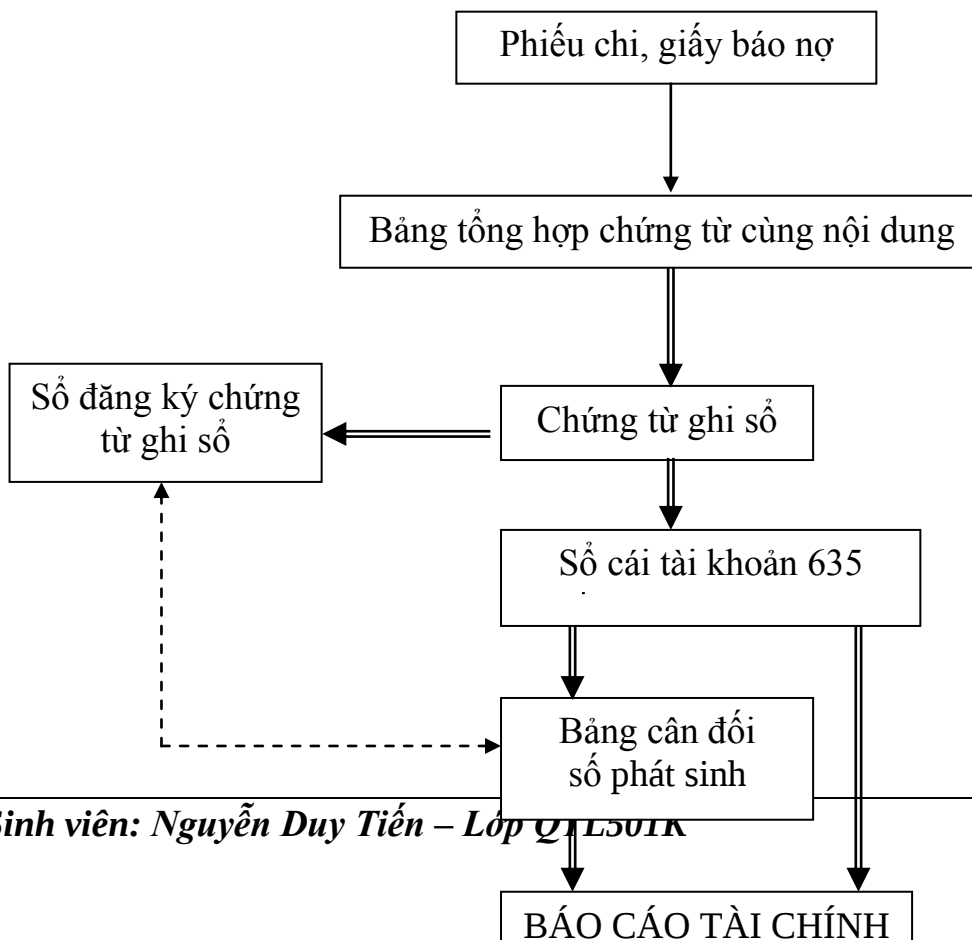
- Tài khoản 635: doanh thu hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán Chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====→ Ghi cuối kì

←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: ngày 31 tháng 07 năm 2012 Công ty trả tiền lãi vay của Ngân hàng Công Thương Lê Chân, số tiền 230.265.587

- Kế toán căn cứ vào Giấy báo Nợ của Ngân hàng để ghi vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Cuối tháng từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 635
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính.

GIẤY BẢO NỢ



Ngày in : 31/07/2012

Giờ in : 13:05:04

Số tài khoản : 102010000207803

Tên tài khoản : CÔNG TY CP Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo : Tài khoản của quý khách được ghi NỢ với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số Tiền	Loại Tiền	Diễn Giải
31/07/2012 13:05:04	230.265.587	VND	NH phát lệnh: CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN NH giữ tài khoản: CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN Số TK: 102010000207803 Người chuyển: Nguyễn Phú An - CN Lê Chân-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN Nội dung giao dịch: Trả tiền lãi vay

Công ty cổ phần Ô tô khách

Hải Phòng

Số 279 Trần Nguyên Hãn

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 04/07

Nội dung: Chi tiền gửi Ngân hàng

Chứng từ	Diễn	Ghi Có TK 112, Ghi Nợ các TK	Cộng
----------	------	------------------------------	------

Số hiệu	Ngày tháng	giải	331	635	641	133	...	
...	...	...		...	...	...	...	...
GBN 12/07	31/07	Trả tiền lãi vay		230.265.587				30.265.587
GBN 13/07	31/07	Phải trả người bán	20.680.000					20.680.000
GBN 14/07	31/07	Chi phí quảng cáo			6.750.000	675.000		7.425.000
GBN 15/07	31/07	Phải trả người bán	17.600.000					17.600.000
...	...	...		...	...	...	...	...
		Cộng	44.660.000	230.265.587	14.485.000	4.668.654	...	2.753.762.113

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 04/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	

Phải trả người bán	331	112	44.660.000	
Chi phí tài chính	635	112	230.265.587	
Chi phí bán hàng	641	112	14.485.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	133	112	4.668.654	
...	...	...	...	
Cộng:	×	×	2.753.762.113	
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i> Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>				

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng Số 279 Trần Nguyên Hãn		Mẫu số S02b - DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC</i> <i>ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>	
		SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ Năm 2012	
Chứng từ		Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng		
...	...	...	
01/07	31/07	8.658.642.279	
02/07	31/07	7.995.658.115	

03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng Số 279 Trần Nguyên Hãn				Mẫu số S02c1 - DN <i>Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC</i> <i>ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC</i>		
SỔ CÁI Tài khoản: 635 – Chi phí tài chính Năm 2012 Đơn vị tính: Đồng						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát			

			sinh:			
...	...	...	...	...	...	...
30/06	04/06	30/06	Trả tiền lãi vay tháng 6	112	225.964.557	
31/07	04/07	31/07	Trả tiền lãi vay tháng 7	112	230.265.587	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 07/12	31/12	Kết chuyển sang TK 911	911		2.839.939.821
			Cộng phát sinh:		2.839.939.821	2.839.939.821
			Số dư cuối kỳ:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Người lập (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên)						

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng tại phòng bán vé như chi phí về lương nhân viên và các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

*** Tài khoản sử dụng**

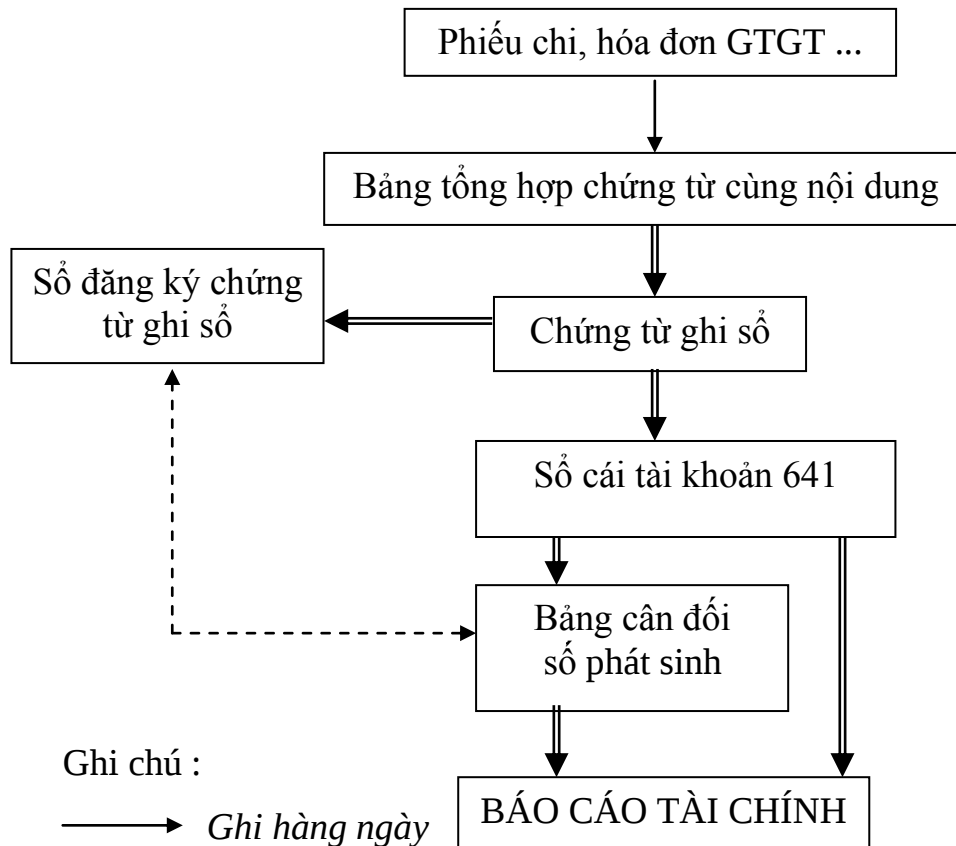
- Tài khoản 641: chi phí bán hàng
- Các tài khoản khác có liên quan

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, hóa đơn GTGT, hóa đơn BH thông thường, Giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ lương và BHXH, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán Chi phí bán hàng
tại Công ty Cổ phần ô tô Khách Hải Phòng**



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kì

←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: ngày 31 tháng 07 năm 2012 chi trả tiền điện thoại tháng 07/2012 tại Bộ phận Bán hàng bằng tiền mặt, số tiền 332.775

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT để viết phiếu chi, sau đó căn cứ vào phiếu chi để ghi vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Cuối tháng từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 641
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính.

 CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG TRUNG TÂM THÔNG TIN DI ĐỘNG KHU VỰC V VIETNAM MOBILE TELECOM SERVICE CO. CENTER V Địa chỉ: Số 8 Lô 28A Lê Hồng Phong – Q.Ngô Quyền – Hải Phòng Tel: 18001090 – Fax: 031.3558869 MST:0100686209084	HÓA ĐƠN (GTGT) BILL (VAT) Liên 2: Giao Khách hàng Mẫu số: 01GTKT2/001 Kí hiệu: GB/11P Số: 1338753																								
Tên khách hàng (Sub name): Nguyễn Ngọc Minh – Cty CP ô tô khách Hải Phòng Địa chỉ (Address): 279 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân – Hải Phòng MST: 02001341201 Số thuê bao (Sub No): 936856156 Mã Khách hàng (Customer Code): Cước từ ngày (Charging from): 21/06/2012 đến ngày (to): 20/07/2012																									
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 40%;">Khoản (Item)</th> <th style="width: 10%;">ĐVT (Unit)</th> <th style="width: 15%;">Số lượng (Quantity)</th> <th style="width: 10%;">Đơn giá (Price)</th> <th style="width: 15%;">Số tiền (Amount)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>Cước dịch vụ thông tin di động (Mobile phone service charges)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td style="text-align: right;">302.523</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền (1) (Total):</td> <td style="text-align: right;">302.523</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Thuế suất GTGT: 10%$\times$(1)=Tiền thuế GTGT (2) (Value Added Tax):</td> <td style="text-align: right;">30.252</td> </tr> </tbody> </table>		STT	Khoản (Item)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Số tiền (Amount)		Cước dịch vụ thông tin di động (Mobile phone service charges)				302.523	Cộng tiền (1) (Total):					302.523	Thuế suất GTGT: 10% $\times$ (1)=Tiền thuế GTGT (2) (Value Added Tax):					30.252
STT	Khoản (Item)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Số tiền (Amount)																				
	Cước dịch vụ thông tin di động (Mobile phone service charges)				302.523																				
Cộng tiền (1) (Total):					302.523																				
Thuế suất GTGT: 10% $\times$ (1)=Tiền thuế GTGT (2) (Value Added Tax):					30.252																				

Tổng cộng tiền thanh toán (3)=(1)+(2) (Group Total):	332.775
Số tiền viết bằng chữ (Sum in word) : Ba trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng.	
Ngày 31 tháng 07 năm 2012	
Người nộp tiền (Đã ký)	Nhân viên giao dịch (Đã ký)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng Số 279 Trần Nguyên Hãn	Mẫu số 02 – TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)
PHIẾU CHI	
	Nợ: 641
Số: 46/07	Nợ: 133
	Có: 111
Ngày 31 tháng 07 năm 2012	
Họ và tên người lĩnh tiền	: Phạm Thị Loan
Bộ phận công tác	: Trung tâm thông thi di động khu vực V
Lí do lĩnh	: Trả tiền điện thoại tháng 07/2012
Số tiền	: 332.775
Bằng chữ	: Ba trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng.
Kèm theo	: 01 chứng từ gốc
Ngày 31 tháng 07 năm 2012	
Giám đốc	Kế toán trưởng
Thủ quỹ	Người lập phiếu
Người nhận	

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ:.....

+ Số tiền quy đổi:.....

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 02/07

Nội dung: Chi tiền mặt

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111, Ghi Nợ các TK					Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		112	641	642	133	...	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
PC 44/07	31/07	Nộp tiền vào TK	75.000.000					75.000.000
PC 45/07	31/07	Chi mua văn phòng phẩm			2.275.000			2.275.000
PC 46/07	31/07	Chi trả tiền điện thoại tháng 07		302.523		30.252		332.775
PC 47/07	31/07	Thanh toán tiền chi phí hội nghị			1.500.000			1.500.000
PC 48/07	31/07	Nộp tiền vào TK	37.200.000					37.200.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng	233.550.000	26.358.998	22.356.859	815.668.654	...	7.995.658.115

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	<i>Ngày 31 tháng 07 năm 2012</i> Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
--	---

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng Số 279 Trần Nguyên Hãn	Mẫu số S02a - DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)																																													
CHỨNG TỪ GHI SỔ Số: 02/07 <i>Ngày 31 tháng 07 năm 2012</i>																																														
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2" style="width: 35%;">Trích yếu</th> <th colspan="2" style="width: 20%;">Số hiệu tài khoản</th> <th rowspan="2" style="width: 20%;">Số tiền</th> <th rowspan="2" style="width: 25%;">Ghi chú</th> </tr> <tr> <th style="width: 10%;">Nợ</th> <th style="width: 10%;">Có</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">...</td> <td style="text-align: center;">...</td> <td style="text-align: center;">...</td> <td style="text-align: center;">...</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Nộp tiền vào TK</td> <td style="text-align: center;">112</td> <td style="text-align: center;">111</td> <td style="text-align: right;">233.550.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Chi phí bán hàng</td> <td style="text-align: center;">641</td> <td style="text-align: center;">111</td> <td style="text-align: right;">26.358.998</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Chi phí quản lý doanh nghiệp</td> <td style="text-align: center;">642</td> <td style="text-align: center;">111</td> <td style="text-align: right;">22.356.859</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thuế gtgt được khấu trừ</td> <td style="text-align: center;">133</td> <td style="text-align: center;">111</td> <td style="text-align: right;">815.668.654</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">...</td> <td></td> <td></td> <td style="text-align: center;">...</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Cộng:</td> <td style="text-align: center;">×</td> <td style="text-align: center;">×</td> <td style="text-align: right;">7.995.658.115</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>					Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú	Nợ	Có	...	...	...	...		Nộp tiền vào TK	112	111	233.550.000		Chi phí bán hàng	641	111	26.358.998		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	22.356.859		Thuế gtgt được khấu trừ	133	111	815.668.654		...			...		Cộng:	×	×	7.995.658.115	
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú																																										
	Nợ	Có																																												
...	...	...	...																																											
Nộp tiền vào TK	112	111	233.550.000																																											
Chi phí bán hàng	641	111	26.358.998																																											
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	22.356.859																																											
Thuế gtgt được khấu trừ	133	111	815.668.654																																											
...			...																																											
Cộng:	×	×	7.995.658.115																																											
Người lập (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)																																												

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02b - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1 - DN

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CÁI

Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh:			
...	...	...	...	...	...	...
31/07	02/07	31/07	Chi phí bằng tiền mặt	111	26.358.998	
31/07	04/07	31/07	Chi phí bằng tiền gửi ngân hàng	112	6.325.000	
31/07	08/07	31/07	Lương phải trả cho nhân viên bán hàng	334	19.440.000	
31/07	09/07	31/07	Các khoản trích theo lương	338	4.471.200	

31/07	10/07	31/07	Trích khấu hao tài sản cố định	214	1.236.995	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 08/12	31/12	Kết chuyển sang TK 911	911		865.295.448
			Cộng phát sinh:		865.295.448	865.295.448
			Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>
---	--

2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí về lương nhân viên và các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 642: chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các tài khoản khác có liên quan

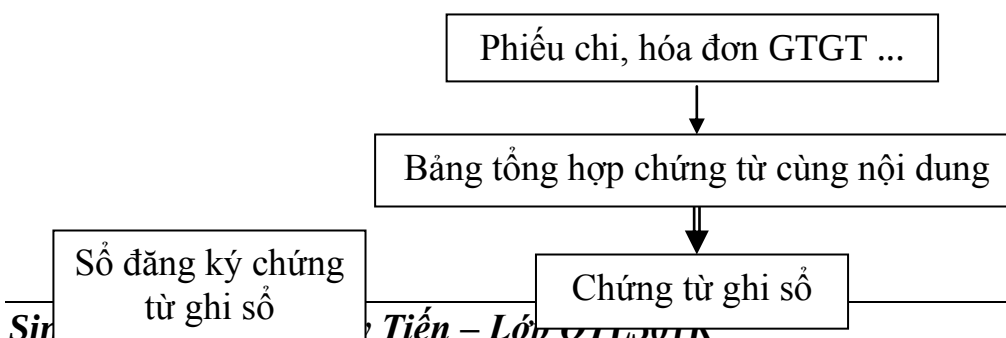
*** Chứng từ sử dụng**

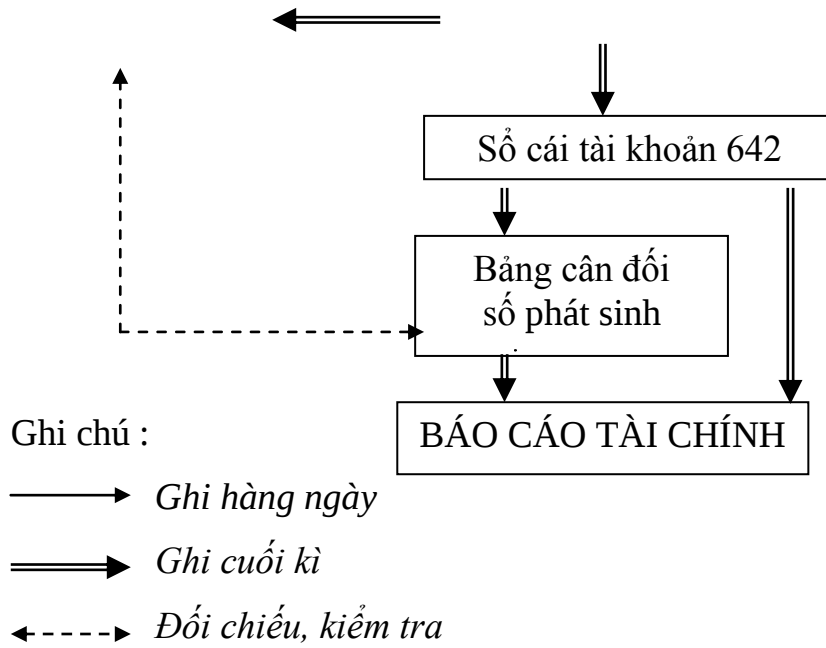
- Phiếu chi, hóa đơn GTGT, hóa đơn BH thông thường, Giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ lương và BHXH, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

tại Công ty Cổ phần ô tô Khách Hải Phòng





Ví dụ: ngày 31 tháng 07 năm 2012 chi tiền mua Văn phòng phẩm tháng 07+08/2012 phục vụ cho Bộ phận Quản lý doanh nghiệp bằng tiền mặt, số tiền 2.275.000 không bao gồm thuế GTGT

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn bán hàng khi mua văn phòng phẩm để viết phiếu chi, sau đó căn cứ vào phiếu chi để ghi vào bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung
- Từ bảng tổng hợp chứng từ cùng nội dung, kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ
- Từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 642
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: - GIÁM ĐỐC CÔNG TY
 - PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Tên tôi là: Bùi Thị Thanh Thảo – Nhân Viên phòng TC-PC. Viết giấy đề nghị duyệt chi tiền mua Văn phòng phẩm tháng 07+08/2012 và 1 số đồ dùng trong Công ty (Có kèm hóa đơn).

Số tiền là : 2.275.000 đồng.

(Hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn./)

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người đề nghị

Bùi Thị Thanh Thảo

GIÁM ĐỐC DUYỆT

TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

TC-PC

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG		Mẫu số: 02GTTT3/0	
(Liên 2: Giao cho khách hàng)		Kí hiệu: 02AB/12P	
Ngày 31 tháng 07 năm 2012		Số: 0006084	

Đơn vị bán hàng: Trung tâm Văn phòng phẩm 127
 Địa chỉ: Số 4 Phạm Ngũ Lão - Hải Phòng.
 Số tài khoản: 171445800103
 Điện thoại: MST: 0200719176

Họ tên người mua hàng: Bùi Thị Thanh Thảo
 Tên đơn vị: Công ty cổ phần ô tô khách Hải Phòng
 Địa chỉ: Số 279 Trần Nguyễn Hãn - HP
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: TM MST: 02001568001

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x 2
	Tổng hợp mua VPP có bảng kê kèm theo				2.275.000 ^d
	/				

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ: 2.275.000^d
 Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

(Đã ký)

Người bán hàng

(Đã ký)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận, giao hoá đơn)

Văn Phòng Phẩm 127 Địa chỉ: Số 4 Phạm Ngũ Lão – Hải Phòng
ĐT: (0313). 757888 / 0313.757889
Website: www.vanphongpham127.com

BẢNG KÊ HÀNG BÁN

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Kính gửi: Công ty CP ô tô khách Hải Phòng Địa chỉ: 279 Trần Nguyên Hãn-LC-HP

N-T	Tên Hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Bút bi TL 025	Chiếc	20	3,500	70,000
02	Bút bi TL 023	Chiếc	20	3,500	70,000
03	Bút bi TL 027	Chiếc	15	3,000	45,000
04	Bút Unit 200	Chiếc	6	32,000	192,000
05	Cặp trình ký	Chiếc	3	25,000	75,000
06	Túi cúc khô A4 dày	Chiếc	50	3,000	150,000
07	Ghim cài C62	Hộp	10	3,500	35,000
08	Kẹp clip 32mm	Hộp	2	15,000	30,000
09	Giấy than thái	Tập	2	90,000	180,000
10	Giấy A4IK plus	Ram	5	68,000	340,000
11	Bút xóa băng 5*10	Chiếc	5	22,000	110,000
12	Phong bì	Tập	8	6,000	48,000
13	Bút nhớ dòng	Chiếc	2	15,000	30,000
14	Xà phòng fa	Bánh	5	15,000	75,000
15	Sô BD 4T	Quyển	2	18,000	36,000
16	Băng dính gáy	Cuộn	1	10,000	10,000
17	Băng dính 80 y	Cuộn	1	10,000	10,000
18	Giấy vệ sinh	Bịch	12	32,000	384,000
19	Giấy ăn	Hộp	5	22,000	110,000
20	Xà phòng OMO	Kg	1	36,000	36,000
21	Kéo Deli nhỏ	Chiếc	3	18,000	54,000
22	Lịch bàn	Quyển	1	60,000	60,000
23	Xà phòng Daso kem	Hộp	5	25,000	125,000
	Tổng cộng				2,275,000
Bằng chữ: Hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.					

Người nhận hàng

Người lập

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số 02 – TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Nợ: 642

Số: 42/07

Có: 111

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Họ và tên người nhận tiền : **Bùi Thị Thanh Thảo**

Địa chỉ : Phòng TC-PC

Lí do chi : Thanh toán tiền mua VPP tháng 07+08/2012

Số tiền : 2.275.000

Bằng chữ : Hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo : 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ:.....

+ Số tiền quy đổi:.....

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CÙNG NỘI DUNG

Số: 02/07

Nội dung: Chi tiền mặt

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 111, Ghi Nợ các TK					Cộng
Số hiệu	Ngày tháng		112	641	642	133	...	
...	...	...		...	...	...	...	...
PC 44/07	31/07	Nộp tiền vào TK	75.000.000					75.000.000
PC 45/07	31/07	Chi mua văn phòng phẩm			2.275.000			2.275.000
PC 46/07	31/07	Chi trả tiền điện thoại tháng 07		302.523		30.252		332.775
PC 47/07	31/07	Thanh toán tiền chi phí hội nghị			1.500.000			1.500.000
PC 48/07	31/07	Nộp tiền vào TK	37.200.000					37.200.000
...	...	...		...	...	...	...	...
		Cộng	233.550.000	26.358.998	22.356.859	815.668.654	...	7.995.658.115

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 02/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
...	...	...	...	
Nộp tiền vào TK	112	111	233.550.000	
Chi phí bán hàng	641	111	26.358.998	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	22.356.859	
Thuế gtgt được khấu trừ	133	111	815.668.654	
...			...	
Cộng:	×	×	7.995.658.115	

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh:			
...	...	...	...	...	...	...
31/07	02/07	31/07	Chi phí bằng tiền mặt	111	22.356.859	
31/07	08/07	31/07	Lương phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp	334	44.470.000	
31/07	09/07	31/07	Các khoản trích theo lương	338	10.228.100	
31/07	10/07	31/07	Trích khấu hao tài sản cố định	214	1.444.329	
31/07	10/07	31/07	Chi phí thuế, phí và lệ phí	333	28.881.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 08/12	31/12	Kết chuyển sang TK 911	911		1.113.380.847
			Cộng phát sinh:		1.113.380.847	1.113.380.847
			Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác:

Tại Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng, Chi phí khác là phần giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý và nhượng bán

*** Tài khoản sử dụng**

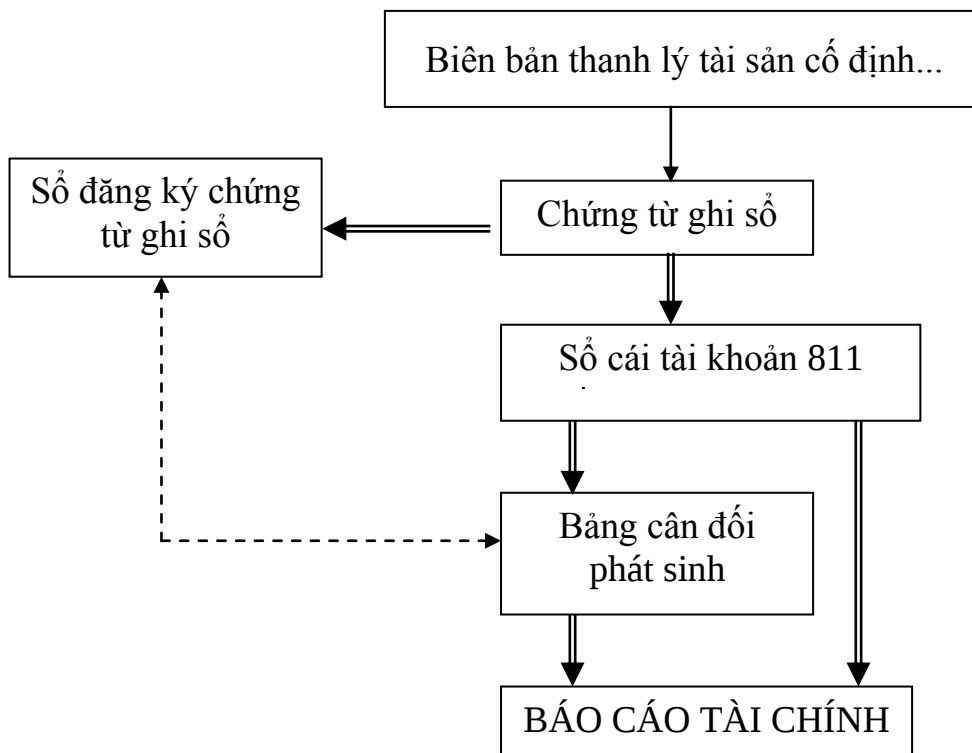
- Tài khoản 811: Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan

*** Chứng từ sử dụng**

- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

***Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán chi phí khác
tại Công ty Cổ phần ô tô Khách Hải Phòng***



Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi cuối kỳ

←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: ngày 31 tháng 07 năm 2012 Công ty thanh lý 1 xe khách 35 chỗ ngồi cho ông Đào Văn Quang với giá bán chưa có VAT 10% là 364.500.000, đã thu bằng chuyển khoản. Biết xe khách này có nguyên giá là 896.665.000, hao mòn lũy kế là 532.165.000.

- Kế toán căn cứ vào biên bản thanh lý tài sản để thực hiện bút toán xóa sổ tài sản cố định, sau đó phản ánh vào chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng từ chứng từ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 811
- Từ sổ cái, kế toán phản ánh vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh phản ánh vào báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2012.

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Số : BB01

Nợ 214: 532.165.000

Nợ 811: 364.500.000

Có 211: 896.665.000

Căn cứ Quyết định số : 3105/ QĐ- LD ngày 31 tháng 07 năm 2012 của Công ty Cổ phần Ô tô khách Hải Phòng về việc thanh lý tài sản cố định.

I- Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông/Bà: Nghiêm Thế Anh Chức vụ: Phó Giám Đốc Đại diệnTrưởng ban

Ông/Bà: Trần Minh Ngọc Chức vụ: Kế toán trưởng Đại diệnỦy viên

II- Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ : Xe KIA 35 chỗ ngồi BKS: 16H - 2648

- Số hiệu TSCĐ : L700027

- Nước sản xuất (xây dựng): Trung Quốc

- Năm sản xuất : 2007

- Năm đưa vào sử dụng: 2008 Số thẻ TSCĐ

- Nguyên giá TSCĐ : 896.665.000

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 532.165.000

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 364.500.000

III- Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Ban thanh lý quyết định thanh lý phương tiện vận tải cho ông Đào Văn Quang

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trưởng Ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV- Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ :(viết bằng chữ)

- Giá trị thu hồi : 364.500.000 (viết bằng chữ) **Ba trăm sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./**

- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 31 tháng 07 năm 2012

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 06/07

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Số khấu hao đã trích	214	211	532.165.000	
Giá trị còn lại của tài sản cố định	811	211	364.500.000	
Cộng:	×	×	896.665.000	

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 811 – Chi phí khác

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:			
			Số phát sinh:			
31/07	06/07	31/07	Giá trị còn lại của tài sản cố định	211	364.500.000	
31/12	PKT 11/12	31/12	Kết chuyển sang TK 911	911		364.500.000
			Cộng phát sinh:		364.500.000	364.500.000
			Số dư cuối kỳ:			

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

*** Tài khoản sử dụng**

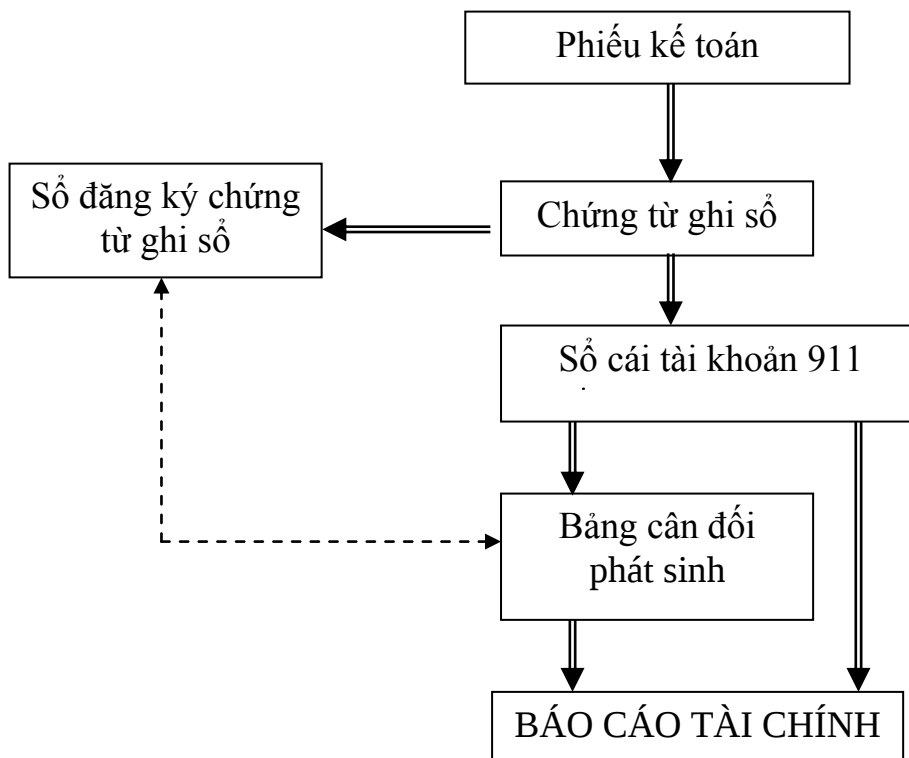
- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN
- Các tài khoản khác có liên quan

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.12: Quy trình hạch toán Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần ô tô Khách Hải Phòng



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kì
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: Ngày 31 tháng 12 năm 2012, xác định doanh thu, chi phí để từ đó xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán sử dụng phiếu kế toán để phản ánh các nghiệp vụ kết chuyển.

Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh trong năm 2012 là 127.718.058.279 đồng

Tổng doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2012 là 7.492.087 đồng.

Tổng giá vốn trong năm 2012 là 124.400.940.721 đồng.

Tổng chi phí tài chính trong năm 2012 là 2.839.939.821 đồng.

Tổng chi phí bán hàng trong năm 2012 là 865.295.448 đồng.

Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2012 là 1.113.380.847 đồng.

Tổng chi phí khác trong năm 2012 là 364.500.000 đồng.

Tổng thu nhập khác trong năm 2012 là 364.500.000 đồng.

+ Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh = tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh - tổng giá vốn = $127.718.058.279 - 124.400.940.721 = 3.317.117.558$ đồng.

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh + doanh thu hoạt động tài chính - chi phí tài chính - chi phí bán hàng - chi phí quản lý doanh nghiệp = $3.317.117.558 + 7.492.087 - 2.839.939.821 - 865.295.448 - 1.113.380.847 = - 1.494.006.471$ đồng

+ Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác = $364.500.000 - 364.500.000 = 0$

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác = $- 1.494.006.471 + 0 = - 1.494.006.471$ đồng.

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.	511	911	127.718.058.279
	Cộng:			127.718.058.279

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 05/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.	515	911	7.492.087
	Cộng:			7.492.087

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 06/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển giá vốn sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.	911	632	124.400.940.721
	Cộng:			124.400.940.721

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 07/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.	911	635	2.839.939.821
	Cộng:			2.839.939.821

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 08/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.	911	641	865.295.447
	Cộng:			865.295.447

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 09/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.	911	642	1.113.380.847
	Cộng:			1.113.380.847

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 10/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển Thu nhập khác sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.	711	911	364.500.000
	Cộng:			364.500.000

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 11/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển Chi phí khác sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.	911	811	364.500.000
	Cộng:			364.500.000

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng
Địa chỉ: số 279 Trần Nguyên Hãn

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 12/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển lỗ.	421	911	1.494.006.471
	Cộng:			1.494.006.471

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 14/12

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	127.718.058.279	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	7.492.087	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	364.500.000	
Kết chuyển lỗ	421	911	1.494.006.471	
Cộng:	×	×	129.584.056.837	

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02a - DN
*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 15/12

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển Giá vốn hàng bán	911	632	124.400.940.721	
Kết chuyển Chi phí tài chính	911	635	2.839.939.821	
Kết chuyển Chi phí bán hàng	911	641	865.295.448	
Kết chuyển Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.113.380.847	
Kết chuyển Chi phí khác	911	811	364.500.000	
Cộng:	×	×	129.584.056.837	

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2012

Chứng từ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...	...	...
01/07	31/07	8.658.642.279
02/07	31/07	7.995.658.115
03/07	31/07	3.995.128.627
04/07	31/07	2.753.762.113
...	...	...
06/07	31/07	896.665.000
07/07	31/07	8.250.709.679
...	...	...
14/12	31/12	129.584.056.837
15/12	31/12	129.584.056.837
Cộng		500.525.132.589

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:			
		Phát sinh trong kỳ:			
31/12	14/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		127.718.058.279
31/12	15/12	Kết chuyển Giá vốn hàng bán	632	124.400.940.721	
31/12	14/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		7.492.087
31/12	15/12	Kết chuyển Chi phí tài chính	635	2.839.939.821	
31/12	15/12	Kết chuyển Chi phí bán hàng	641	865.295.448	
31/12	15/12	Kết chuyển Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.113.380.847	
31/12	14/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		364.500.000
31/12	15/12	Kết chuyển Chi phí khác	811	364.500.000	
31/12	14/12	Kết chuyển lỗ	421		1.494.006.471
		Cộng phát sinh:		129.584.056.837	129.584.056.837
		Số dư cuối kỳ:			

Người lập

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Công ty cổ phần Ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số S02c1- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ:		1.171.494.112	
		Phát sinh trong kỳ:			
31/12	14/12	Kết chuyển lỗ	911	1.494.006.471	
		Cộng phát sinh:		1.494.006.471	-
		Số dư cuối kỳ:		2.665.500.583	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần ô tô khách
Hải Phòng
Số 279 Trần Nguyên Hãn**

Mẫu số B02_DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Số Năm nay	Số năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	127.718.058.279	122.360.300.377
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		127.718.058.279	122.360.300.377
Giá vốn hàng bán	11	VI.28	124.400.940.721	116.478.096.997
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		3.317.117.558	5.882.203.380
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	7.492.087	14.655.758
Chi phí tài chính	22	VI.30	2.839.939.821	3.016.229.352
Lãi vay phải trả	23		2.839.939.821	3.016.229.352
Chi phí bán hàng	24		865.295.448	1.072.199.928
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.113.380.847	2.025.511.574
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.494.006.471)	(217.081.716)
Thu nhập khác	31		364.500.000	-
Chi phí khác	32		364.500.000	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(1.494.006.471)	(217.081.716)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
Tổng lợi nhuận sau thuế	60		(1.494.006.471)	(217.081.716)
Lập. ngày 31 tháng 12 năm 2012				
Người lập biểu (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên)	

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ KHÁCH HẢI PHÒNG

3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng:

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1. Ưu điểm

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ và hoàn toàn phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Nhân viên kế toán với trình độ chuyên môn cao, có tính độc lập, nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn thành tốt công việc được giao, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể nào trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật quy định của Công ty.

➤ Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

❖ Về chứng từ kế toán:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

- Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời.

- Trên các chứng từ thông tin được ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận, kế toán lưu trữ chứng từ theo từng phân hành kế toán, tránh hiện tượng chứng từ chồng chéo nhau.

❖ *Về tổ chức hệ thống sổ kế toán*

Các sổ kế toán được thực hiện và lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà Nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Ưu điểm của hình thức này là ghi chép đơn giản, kết cấu dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu kiểm tra, cho phép quản lý từng khoản mục liên quan đến các phân hành kế toán một cách chặt chẽ, từ đó làm tăng hiệu quả của công tác kế toán

❖ *Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

- Về kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- Về kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tiết kiệm chi phí tăng lợi nhuận. Bởi vậy công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng năm.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng còn một số mặt hạn chế như sau:

➤ *Về tài khoản sử dụng:*

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 641 – Chi phí bán hàng và tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, dẫn đến việc không theo dõi được chi tiết từng loại chi phí phát sinh tại bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

➤ *Về sổ sách kế toán sử dụng:*

Công ty chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 641 –

Chi phí bán hàng và tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, như vậy khó theo dõi chi tiết từng loại chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng và quản lý doanh nghiệp, gây khó khăn cho việc quản lý từng loại chi phí tại công ty.

➤ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Hiện nay công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán mà sử dụng bảng tính excel để phục vụ công tác kế toán. Việc hạch toán thủ công sẽ làm giảm hiệu quả năng suất làm việc, sẽ dẫn đến nhầm lẫn về số liệu và khó có thể đáp ứng được số liệu khi cần một cách nhanh chóng và chính xác.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là tất yếu. Các nhà quản lý phải sáng suốt hơn trong việc lựa chọn các quyết định kinh doanh và kế toán là một công cụ đắc lực cho nhà quản trị trong việc đưa ra các quyết định kinh tế tài chính. Bộ phận kế toán có nhiệm vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho doanh nghiệp. Do đó thông tin kế toán ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh nên đóng vai trò rất quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng kết quả kinh doanh của công ty sẽ cho ta thấy doanh nghiệp hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để các lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tăng doanh thu, hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược trong tương lai.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng

3.2.3.1. Giải pháp 1: Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng

Công ty cần mở chi tiết cho tài khoản 641 và tài khoản 642 sẽ giúp công ty theo dõi chi tiết từng loại chi phí phát sinh tại bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

➤ Kế toán nên mở chi tiết cho tài khoản 641 như sau:

TK 6411 – Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng như: tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT ...

TK 6413 - Chi phí vật liệu văn phòng: Phản ánh chi phí về công cụ, đồ dùng văn phòng phục vụ cho quá trình bán hàng của doanh nghiệp

TK 6414 – *Chi phí khấu hao TSCĐ*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ tại bộ phận bán hàng

TK 6417 – *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho quá trình bán hàng như tiền điện, tiền điện thoại ...

TK 6418 – *Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong quá trình bán hàng như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách tại bộ phận bán hàng ...

➤ Kế toán nên mở chi tiết cho tài khoản 642 như sau:

TK 6421 – *Chi phí nhân viên quản lý*: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như: tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT ...

TK 6423 - *Chi phí vật liệu văn phòng*: Phản ánh chi phí về công cụ, đồ dùng văn phòng phục vụ cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp

TK 6424 – *Chi phí khấu hao TSCĐ*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho quản lý doanh nghiệp

TK 6425 - *Thuế, phí và lệ phí*: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất, . . . và các khoản phí, lệ phí khác.

TK 6427 – *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp như tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại ...

TK 6428 – *Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh thuộc quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí hội nghị khách hàng, chi phí tiếp khách ...

3.2.3.2. Giải pháp 2: Giải pháp hoàn thiện sổ sách kế toán sử dụng

Công ty cần lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 641 và tài khoản 642 vì: Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kỳ năm trước hoặc so với cùng kỳ trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Mẫu số S36 - DN

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

Số 279 Trần Nguyên Hãn

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Ghi Nợ tài khoản					
	Số hiệu	NT			Tổng số tiền	TK 6411	TK 6413	TK 6414	TK 6417	TK 6418
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
26/07	PC 33/07	26/07	Mua văn phòng phẩm	111	1.886.000		1.886.000			
31/07	PC 46/07	31/07	Thanh toán tiền điện thoại tháng 7	111	246.668				246.668	
31/07	PC 55/07	31/07	Thanh toán tiền điện tháng 07	111	866.254				866.254	
31/07	BTTL7	31/07	Trả lương tháng 07	334	19.440.000	19.440.000				
31/07	BTTL7	31/07	Các khoản trích theo lương tháng 07	338	4.471.200	4.471.200				
31/07	BPBKH7	31/07	Khấu hao tài sản	214	1.236.995			1.236.995		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng SPS		865.295.448	582.134.400	36.668.500	14.843.940	146.221.963	99.463.145

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Mẫu số S36 - DN

Công ty cổ phần Ô tô khách Hải Phòng

Số 279 Trần Nguyên Hãn

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Ghi Nợ tài khoản						
	Số hiệu	NT			Tổng số tiền	TK 6421	TK 6423	TK 6424	TK 6425	TK 6427	TK 6428
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/07	PC 45/07	31/07	Mua văn phòng phẩm	111	2.275.000		2.275.000				
31/07	PC 50/07	31/07	Thanh toán tiền điện tháng 7	111	1.668.256					1.668.256	
31/07	BTTL7	31/07	Trả lương tháng 07	334	44.470.000	44.470.000					
31/07	BTTL7	31/07	Các khoản trích theo lương tháng 07	338	10.228.100	10.228.100					
31/07	BPBKH7	31/07	Khấu hao tài sản	214	1.444.329			1.444.329			
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng SPS		1.113.380.847	656.377.200	16.448.650	17.331.948	346.572.000	57.348.991	19.302.058

Ngày 31 tháng 07 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

3.2.3.3. Giải pháp 3: Về việc áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy. Việc sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán sẽ giúp:

- Nâng cao hiệu suất làm việc, hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý.

- Dễ dàng để làm việc: hầu hết các phần mềm kế toán rất dễ dàng để cài đặt và sử dụng nên không yêu cầu phải có chuyên môn sâu về kế toán và tài chính để sử dụng nó.

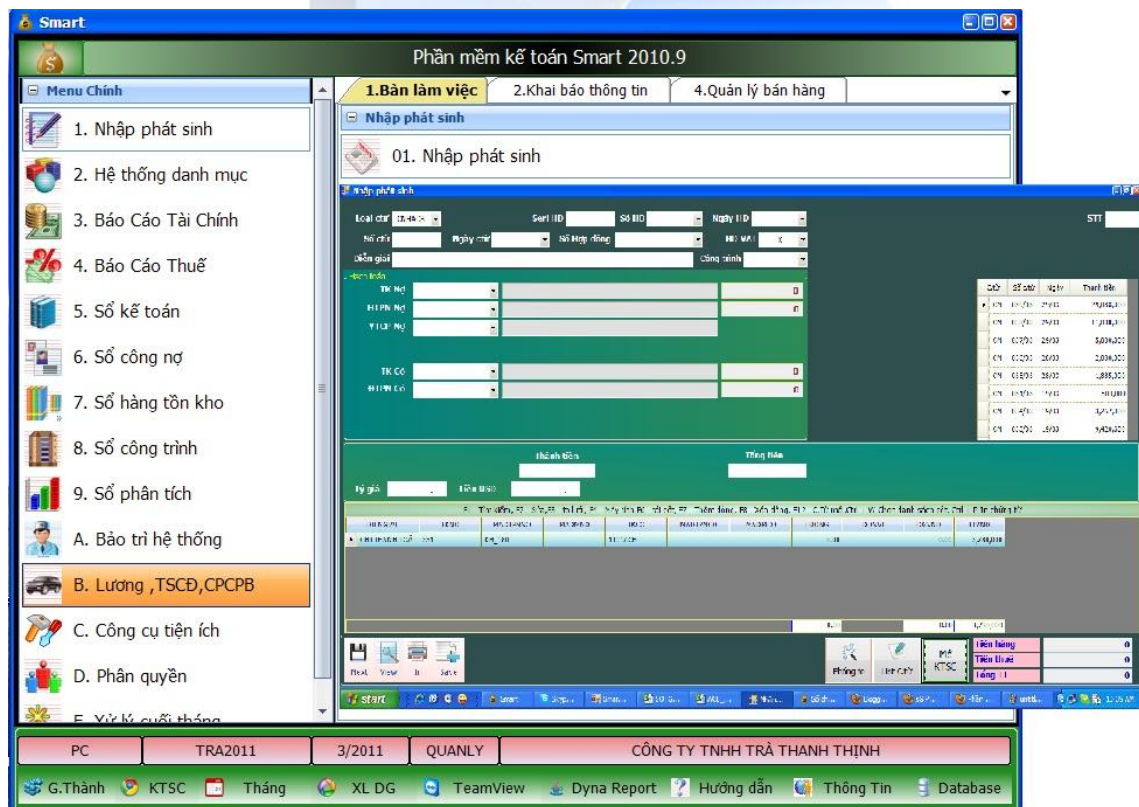
- Tiết kiệm thời gian làm việc, giảm bớt những sai sót mà kế toán thường mắc phải trong cách hạch toán thủ công, giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể theo dõi được toàn bộ hoạt động tài chính của doanh nghiệp một cách nhanh chóng nhằm đưa ra các báo cáo chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, SMART, FAST... Công ty nên lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty.

❖ Phần mềm Kế toán SMART

Đây là phần mềm thông dụng và phổ biến hiện nay. Bên cạnh những biểu mẫu tiếng Việt theo quyết định mới nhất là quyết định 15 và quyết định 48 theo thông tư mới nhất (Thông tư 60), Smart còn có một số mẫu biểu báo cáo tiếng Anh, Báo cáo song ngữ Anh-Việt theo quyết định 15 như: Phiếu Thu, Phiếu Chi, Phiếu Nhập Kho, Phiếu Xuất Kho, Báo Cáo Doanh Thu Chi Phí, Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh, Lưu Chuyển Tiền Tệ, Bảng Cân Đối Kế Toán, Bảng Cân Đối Phát Sinh.... để phục vụ cho một số bạn làm kế toán cho

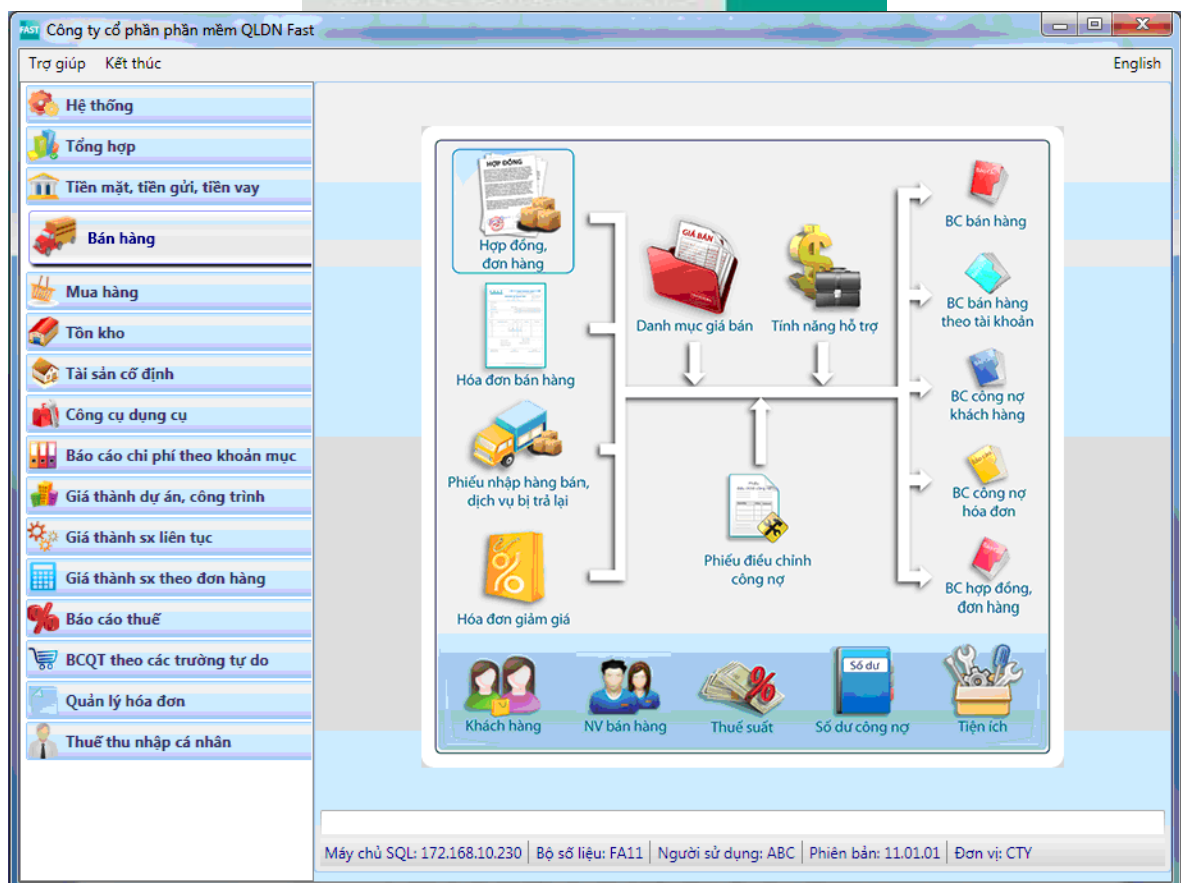
các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Smart 2.0 phù hợp với các Công ty xây dựng, sản xuất, thương mại dịch vụ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổng công ty hoặc liên hiệp các xí nghiệp quản lý trực tiếp hai cấp (cấp tổng công ty và công ty thành viên). Đối với các công ty làm dịch vụ kế toán thì Smart hỗ trợ chức năng tạo nhiều Database nên rất thuận lợi để làm nhiều công ty trên một phần mềm.



Đơn giá 2.000.000 – 4.000.000đ tùy theo các phiên bản.

❖ Phần mềm kế toán Fast Accounting

Đây là phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting được phát triển liên tục và hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 9.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Cup CNTT,...



Đơn giá 6.000.000 – 8.000.000 cho doanh nghiệp thương mại – dịch vụ

❖ Phần mềm MISA SME.NET 2012

Đây là phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với MISA, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ nơi đâu, bất cứ khi nào thông qua internet. Đặc biệt, nó còn hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành quản lý và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP.



Đơn giá 9.950.000đ

KẾT LUẬN

Hòa cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng. Tuy nhiên, do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng cán bộ phòng kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo - Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương thời gian qua đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em, cùng toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần Ô tô Khách Hải Phòng đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Duy Tiến